



KẾT TINH NỘI LỰC VỮNG BƯỚC VƯƠN XA



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NIÊN ĐỘ 2015 - 2016**



47 NĂM

**MỘT CHẶNG ĐƯỜNG
MỘT TẬP THỂ**



Với mục tiêu hướng tới phát triển bền vững và phương châm “Chất lượng làm nên thương hiệu, sản phẩm sạch vì sức khỏe cộng đồng”, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (BHS) luôn nỗ lực hết mình để mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng và đối tác, cũng như tích cực đóng góp cho nền kinh tế, cộng đồng và xã hội.”





Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG

Niên độ 2015-2016, nền kinh tế trong nước đã có nhiều dấu hiệu phục hồi với tốc độ tăng trưởng 5,52%. Nhưng riêng ngành mía đường, phụ thuộc nhiều từ sản xuất nông nghiệp, chịu sự tác động của hiện tượng El Nino và tình trạng khô hạn tại các khu vực ở miền Tây làm cho sản lượng và chất lượng mía Việt Nam sụt giảm đáng kể. Tình trạng cạnh tranh và thu mua mía nguyên liệu tại các Nhà máy trở nên khốc liệt hơn, giá mía tăng, giá thành sản xuất tăng, thu hồi vốn đầu tư khó.

Song với tinh thần đoàn kết của Ban lãnh đạo và toàn thể CBNV, Công ty Đường Biên Hòa (BHS) đã phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận vượt mức kế hoạch theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2014-2015.

“VỚI TINH THẦN ĐOÀN KẾT CỦA BAN LÃNH ĐẠO VÀ TOÀN THỂ CBNV, CÔNG TY ĐƯỜNG BIÊN HÒA (BHS) ĐÃ PHẤN ĐẤU VƯỢT QUA KHÓ KHĂN ĐỂ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC CÁC CHỈ TIÊU, ĐẶC BIỆT LÀ CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2014-2015.”

Cụ thể, trong niên độ 2015-2016, Công ty đã sản xuất được tổng số 183.364 tấn đường thành phẩm các loại, vượt 14% so với kế hoạch, tương đương với 22.999 tấn đường thành phẩm tăng thêm. Sản lượng tiêu thụ đạt 221.432 tấn, doanh thu thuần đạt 4.366 tỷ đồng, vượt 40% kế hoạch doanh thu, tương đương vượt 1.241 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 296 tỷ đồng, vượt 35% kế hoạch, tương đương vượt 76 tỷ đồng. Đạt được kết quả nêu trên là do công ty luôn bám sát mục tiêu Đại hội cổ đông đề ra, đồng thời chủ động tìm giải pháp ứng phó với những thay đổi của thị trường và tiếp tục tập trung cho công tác đầu tư vào vùng nguyên liệu mía, cải thiện năng suất, hiệu quả canh tác, kiểm soát tốt chi phí như chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và tài chính lần lượt đều thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, BHS luôn nghiên cứu cải tiến thiết bị và công nghệ sản xuất ra sản phẩm chất lượng ngày càng tốt hơn, cam kết sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sạch, an toàn, chất lượng tốt nhất và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và

nghiên cứu, phát triển đa dạng hóa nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của khách hàng.

Đồng thời, BHS luôn ý thức được việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, luôn chấp hành và tuân thủ các quy định về môi trường, vừa là đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội, nâng cao hình ảnh và vị thế của doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp vừa là củng cố khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập, trong năm công ty tiếp tục triển khai các hoạt động và chương trình nhằm mang lại các giá trị gia tăng cho các bên liên quan: Cổ đông – Khách hàng đối tác – Cán bộ nhân viên – Nhà đầu tư – Xã hội & Cộng đồng. Nổi bật trong niên độ 2015-2016 có thể kể đến là các chương trình: Tiết kiệm năng lượng thông qua đầu tư hệ thống ngưng tụ cho hơi bốc từ nồi đường, Ủng hộ hoạt động vì Hoàng Sa- Trường Sa thân yêu, hiến máu tình nguyện, xây dựng nhà đồng đội, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tài trợ xây cầu “Nối những bờ vui”....

Bước sang niên độ mới 2016 - 2017, BHS tiếp tục đặt ra các mục tiêu phù hợp và thách thức đảm bảo nâng cao vị thế, đặc biệt là duy trì, phát triển thương hiệu và khẳng định sản phẩm Đường số 01 trong lòng người tiêu và trên thị trường. Đồng thời, tiếp tục giữ vững và đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, đầu tư hệ thống máy móc nâng cao chất lượng sản phẩm, quy hoạch và xây dựng khu đóng túi tập trung, hoàn thiện và phát triển hệ thống bán lẻ sản phẩm trong phạm vi cả nước.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Tôi tin tưởng rằng với những nỗ lực cao nhất của tất cả chúng ta, BHS sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu trong niên độ 2016-2017 và hướng tới các mục tiêu chiến lược trong các năm tới.

Kính chúc quý vị sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hoa

MỤC LỤC

10 - 29

I. Tổng quan công ty

- 12** Thông tin khái quát
- 16** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 20** Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 26** Định hướng phát triển
- 28** Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

76 - 79

IV. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- 76**
- 77** Về các mặt hoạt động của công ty
- 78** Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị niên độ 2016 - 2017

32 - 59

II. Tình hình hoạt động trong năm

- 32** Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 34** Tổ chức và nhân sự
- 42** Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn
- 46** Tình hình tài chính
- 48** Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 52** Báo cáo tác động liên quan đến MTXH công ty

64 - 73

III. Báo cáo đánh giá của Ban TGD

- 64** Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
- 66** Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 68** Tình hình tài chính
- 69** Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 70** Kế hoạch phát triển tương lai
- 71** Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty

84 - 101

V. Quản trị công ty

- 84** Hội đồng quản trị
- 94** Ban Kiểm soát
- 98** Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

106 - 175

VI. Báo cáo tài chính



CHỦ ĐỘNG VÙNG NGUYÊN LIỆU



Trong 47 năm hình thành và phát triển, chúng tôi đã đầu tư hệ thống đạt chuẩn gồm 13 nông trường/ trạm nông vụ, đồng hành cùng những người nông dân trong việc phát triển cây mía, góp phần xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, tạo dựng giá trị cốt lõi bền vững và lâu dài. Ở BHS, chúng tôi áp dụng quy trình quản lý chặt chẽ từ khâu cung cấp giống mía, cơ giới hóa, áp dụng các biện pháp chăm sóc, sản xuất hiện đại cho đến việc thu hoạch, chế biến sản phẩm. Mỗi một cây mía ngọt ngào đều được kết tinh từ sự tỉ mỉ, tâm huyết của hàng trăm con người, với cam kết đem những sản phẩm sạch và tinh khiết nhất đến tay người tiêu dùng.





**TỔNG QUAN
CÔNG TY**

-
- 
- 01. Thông tin khái quát
 - 02. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
 - 03. Thông tin về MH quản trị, tổ chức KD và bộ máy QL
 - 04. Định hướng phát triển
 - 05. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

Thông tin khái quát

TÊN GIAO DỊCH	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
Vốn điều lệ	1.295.111.980.000 đồng
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	3600495818 (do Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001, thay đổi lần thứ 16 vào ngày 8/7/2016)
Vốn chủ sở hữu	2.140.224.092.338
Số fax	061.3836.213
TÊN TIẾNG ANH	BIEN HOA SUGAR JOINT STOCK COMPANY (BSJC)
Số điện thoại	061.3836.199
Địa chỉ	Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Website	www.bhs.vn
Mã cổ phiếu	BHS





Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xây dựng từ năm 1969 với tiền thân là Nhà máy đường 400 tấn, sản phẩm chính lúc bấy giờ là đường ngà, rượu mùi, bao đay.

► 1969

Đầu tư Nhà máy đường tinh luyện

► 1971-
1972

Nhà máy Đường Biên Hòa đổi tên thành Công ty Đường Biên Hòa.

► 1994

Tiến hành đầu tư mở rộng công suất sản xuất đường luyện tại Biên Hòa từ 200 tấn/ngày lên 300 tấn/ngày và khởi công xây dựng nhà máy Đường Tây Ninh.

► 1995

Thành lập Nông trại mía Thành Long với diện tích 960 hecta.

► 1997

Ngày 26/03/1998 Nhà máy Đường Tây Ninh đã chính thức đi vào hoạt động với công suất chế biến là 2.500 tấn mía/ngày, hiện nay là 4.000 tấn mía/ngày.

► 1998



Đầu tư nâng công suất chế biến Nhà máy Đường Tây Ninh lên 3.500 tấn mía/ngày

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ra đời. Quá trình cổ phần hóa Công ty đã diễn ra và được Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 16/05/2001

➤ **2001**

30/08

Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 81 tỷ đồng lên 162 tỷ đồng.

21/11

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM vào ngày 20/12/2006 với mã chứng khoán BHS.

➤ **2006**

Vốn điều lệ của Công ty tăng 168.477.270.000 đồng. Công ty mua lại Công ty Mía Đường Trị An thành lập Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An. Hiện nay công suất chế biến của Nhà máy đạt 2.500 tấn mía/ngày.

➤ **2007**

Sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa vào theo hình thức phát hành thêm cổ phiếu. Nâng vốn điều lệ sau sáp nhập lên, nâng vốn điều lệ sau sáp nhập lên 1.233.439.980.000 đồng. Tổng công suất chế biến của toàn hệ thống được nâng lên 11.700 tấn mía/ngày

➤ **2015**

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với giá trị phát hành 61.672.000.000 đồng. Qua 6 lần phát hành, hiện tại vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 1.295.111.980.000 đồng.

➤ **2016**



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.2.1

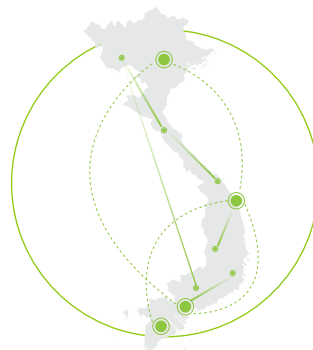
NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH TẠI CÔNG TY NHƯ SAU:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Trồng cây mía;
- ▶ Sản xuất và bán buôn thực phẩm khác có sử dụng đường, sản phẩm từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường;
- ▶ Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ngành mía đường;
- ▶ Cho thuê kho bãi;
- ▶ Kinh doanh bất động sản,
- ▶ Xây dựng công trình dân dụng,
- ▶ Xây dựng công trình công nghiệp;
- ▶ Buôn bán nông sản;
- ▶ Buôn bán thực phẩm công nghệ;
- ▶ Buôn bán đường và các sản phẩm có sử dụng đường;
- ▶ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ▶ Đại lý gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu ngành mía đường
- ▶ Dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- ▶ Sản xuất rượu,
- ▶ Sản xuất cồn (hoạt động ngoài tỉnh Đồng Nai);
- ▶ Buôn bán cồn;
- ▶ Buôn bán nguyên liệu ngành mía đường;
- ▶ Buôn bán phân bón;
- ▶ Dịch vụ canh tác cơ giới công nghiệp;
- ▶ Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

1.2.2

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với hơn 750 điểm bán khắp Bắc Trung Nam, các sản phẩm của Công ty đã được đông đảo người tiêu dùng trong cả nước biết đến và tin dùng.





1.2.3

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Trong niên độ 2015 – 2016, BHS đã triển khai phát triển hệ thống phân phối 53/63 tỉnh thành vào tháng 09/2016. Hệ thống phân phối đã lan rộng và trải dài khắp cả nước với 94 NPP, 26 Brand Shop.

BHS hiện phân phối sản phẩm chủ yếu qua 2 kênh với tên gọi: B2B và B2C. Đặc điểm và cách thức tổ chức của các kênh từ năm 2012 đến nay như sau:

Đặc điểm kênh phân phối B2B (kênh 1)

- ▶ Sản phẩm tiêu thụ: Tiêu thụ đường bao RE 50kg (chủ lực), đường nhuyễn RE bao 50kg.
- ▶ Thị trường: Tiêu thụ chủ yếu qua các Công ty trong lĩnh vực sản xuất Nước giải khát, sữa, bánh kẹo, thủy sản và có nhà máy sản xuất tập trung phần lớn tại khu vực TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng. Trong đó hơn 90% là tại TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương.

Đặc điểm kênh phân phối B2C (kênh 2)

Các nhãn hàng sản phẩm của công ty bao gồm:

- ▶ Đường tinh luyện Biên Hòa Pure
- ▶ Đường vàng khoáng chất Biên Hòa Pure
- ▶ Đường phèn Biên Hòa Pro
- ▶ Đường làm bánh Biên Hòa Pro
- ▶ Đường ăn kiêng Biên Hòa Light
- ▶ Đường bổ sung Vitamin A Biên Hòa Value
- ▶ Đường que Biên Hòa Joy, Đường que Sticksu
- ▶ Đường trắng cao cấp Biên Hòa Daily

Với kênh phân phối B2C, tất cả sản phẩm của BHS sẽ đến tay người tiêu dùng thông qua kênh siêu thị và kênh nhà phân phối trải dài từ Cà Mau đến Bắc Giang.

Đối với kênh siêu thị

Đầu tư lực lượng Giám sát bán hàng và Nhân viên chăm sóc bán hàng tại các hệ thống siêu như BigC, Co.op, Metro, Lotte, Giant, Satra, VinMart, Aeon, Simply, Family mart, Emart, Citi mart,...

Đối với Nhà phân phối

- ▶ Nhà phân phối bán hàng theo đúng địa bàn và chính sách giá, khuyến mãi do Công ty qui định.
- ▶ Nhà phân phối không bán các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm của Công ty như các loại đường có qui cách đóng gói tương tự.
- ▶ Nhà phân phối đầu tư nguồn lực theo đúng qui định của Công ty để đảm bảo hoạt động.
- ▶ Nhà phân phối tổ chức giao hàng tới tận cửa hiệu trong vòng 24h và hạn chế tối thiểu việc rút đơn hàng.
- ▶ Công ty đầu tư đội ngũ trực tiếp chào bán hàng đến các cửa hiệu theo tuyến bán hàng (MCP) gồm: mỗi Nhà phân phối/tỉnh bố trí 01 Giám sát bán hàng quản lý 4-8 Nhân viên bán hàng và mỗi khu vực bố trí một Trưởng Giám sát bán hàng quản lý từ 6-9 Giám sát bán hàng/ Nhà phân phối,...

NHÓM ĐƯỜNG TINH LUYỆN (RE)



01 Đường tinh luyện Biên Hòa Pure

02 Đường hũ Biên hòa Pure

03 Đường trắng Vitamin A Biên Hòa Value

04 Đường phèn Biên Hòa Pro

05 Biên Hòa Pro Baking làm bánh

06 Đường que tinh luyện Biên Hòa Joy

07 Đường que Biên Hòa Sticksu

08 Biên Hòa Joy

NHÓM ĐƯỜNG ĂN KIỀNG, ĐƯỜNG VÀNG, ĐƯỜNG TRẮNG



01 Đường Ăn kiêng Biên Hòa Light

02 Đường nâu tự nhiên Biên Hòa Pro

03 Đường trắng cao cấp Biên Hòa Daily

04 Đường trắng cao cấp đóng bao 50kg



09 Đường viên Biên Hòa Joy

10 Đường vàng khoáng chất Biên Hòa Pure

11 Đường tinh luyện ĐB đóng bao 25kg & 50kg

12 Đường tinh luyện tiêu chuẩn bao 50kg

13 RE hạt nhuyễn bao 25kg & 50kg

14 RE thượng hạng bao 50kg

15 Đường tinh luyện CC Bao 25kg & 50kg



Mô hình quản trị tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LÀ CƠ QUAN QUYỀN LỰC CAO NHẤT CỦA CÔNG TY

bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

1.3.1

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- ▶ Đại hội đồng cổ đông
- ▶ Hội đồng quản trị
- ▶ Ban kiểm soát
- ▶ Ban Tổng giám đốc
- ▶ Các khối: Kinh doanh, Tài chính, Kỹ thuật sản xuất, Hỗ trợ.
- ▶ Đơn vị sản xuất: Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh, Nhà máy Đường Biên Hòa - Trị An, Chi nhánh Nông trường Biên Hòa - Thành Long, Nhà máy Đường luyện.
- ▶ Phòng ban chức năng: 16
- ▶ Công ty con: 5

1.3.2

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền.

1.3.3

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, thực thi nhiệm vụ hoạch định chủ trương, đường lối, mục tiêu, chiến lược phát triển của toàn Công ty đồng thời kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện của bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 5 năm.

1.3.4

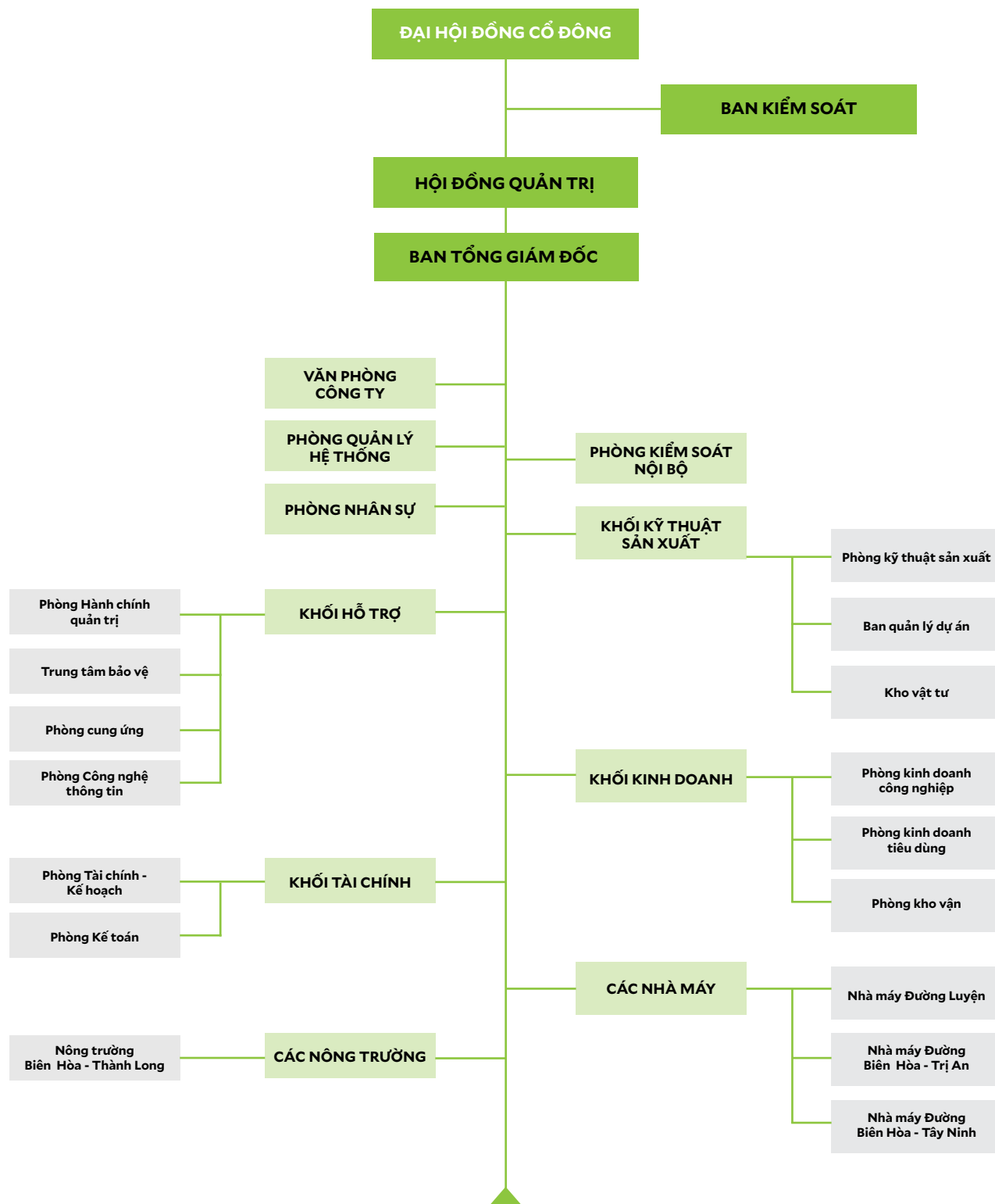
BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 5 năm.

1.3.5

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc bao gồm 3 thành viên: Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc.



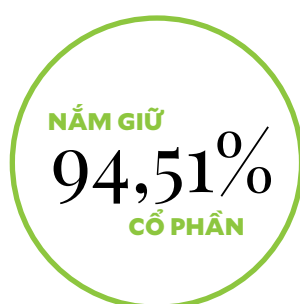
CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY

TÊN CÔNG TY	NỘI DUNG
Công ty TNHH MTV Hải Vi	▶ Tên công ty: Công ty TNHH MTV Hải Vi ▶ Địa chỉ: Ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ▶ Điện thoại: (066) 3 783 279 Fax: (066) 3 783 210 ▶ Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) ▶ Giấy CNĐKKD số: 3900244283-1 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tây Ninh cấp ngày 29/07/2010. ▶ Ngành nghề kinh doanh: trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư nông nghiệp. ▶ Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 100%.
Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Thành Long	▶ Tên công ty: Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Thành Long ▶ Địa chỉ: Ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam ▶ Điện thoại: (066) 2211521 ▶ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) ▶ Giấy CNĐKKD số: 3900854955 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tây Ninh cấp ngày 8/12/2009. ▶ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất đường, buôn bán thực phẩm, buôn bán chuyên doanh khác chưa phân vào đâu, trồng cây mía.... ▶ Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 100%.
Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa	▶ Tên công ty: Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa ▶ Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. ▶ Điện thoại: (058) 3 620 416 Fax:(058) 3 620 143 ▶ Vốn điều lệ: 607.500.000.000 đồng (Sáu trăm linh bảy tỷ năm trăm triệu đồng) ▶ Giấy CNĐKKD số: 4200636590 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/03/2006, thay đổi lần thứ 13 ngày 20/11/2015. ▶ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh đường. ▶ Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 100%.

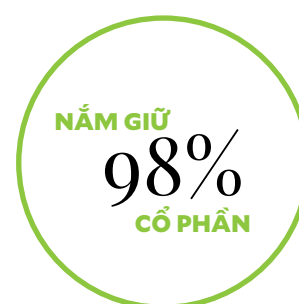
TÊN CÔNG TY	NỘI DUNG
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang	▶ Tên công ty: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang ▶ Địa chỉ: 160 Bác Ái, Phường Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. ▶ Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng) ▶ Giấy CNĐKKD số: 4500138596 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28/01/2016. ▶ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ ▶ Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 94,51%.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	▶ Tên công ty: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa ▶ Địa chỉ: 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. ▶ Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng) ▶ Giấy CNĐKKD số: 0313733213 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.HCM cấp ngày 04/04/2016. ▶ Ngành nghề kinh doanh chính: Bán mua đường và các sản phẩm có sử dụng đường, bán buôn thực phẩm công nghệ, bán buôn đồ uống... ▶ Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 98%.



- ▶ Công ty TNHH MTV Hải Vi
- ▶ Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long
- ▶ Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Ninh Hòa



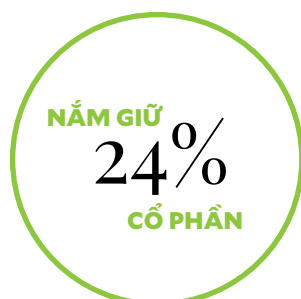
- ▶ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang



- ▶ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

TÊN CÔNG TY	NỘI DUNG
Công ty Cổ phần Nghiên cứu & Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	- Địa chỉ: Số 99, ấp Bình Hòa, tỉnh Tây Ninh. - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng - Giấy CNĐKKD số: 3901162964 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tây Ninh cấp ngày 21/03/2013. - Ngành nghề kinh doanh chính: Nghiên cứu, lai tạo giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường. - Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 24%.
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	- Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, Phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam - Vốn điều lệ: 294.040.000.000 đồng - Giấy CNĐKKD số: 3900243272 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23/5/2007. - Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chế biến kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường, khoai mì, cao su. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng. Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính; Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu. - Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 26,49%.



- ▶ Công ty Cổ phần Nghiên cứu & Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công



- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh

CÁC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

CHI NHÁNH NÔNG TRƯỜNG TTC BIÊN HÒA - THÀNH LONG

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0663 783 107
Fax: 0663 710 716

NHÀ MÁY ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - TÂY NINH

Địa chỉ: Số 561A, đường Trần Phú, ấp Tân Phước, xã Tân Bình, TP Tây Ninh tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0663 821 995
Fax: 0663 823 602

TÂY NINH

ĐỒNG NAI

TP HỒ CHÍ MINH

NHÀ MÁY ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - TRỊ AN

Địa chỉ: Ấp 1, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0613 929 725
Fax: 0613 929 724

VP ĐẠI DIỆN TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại: 083.842 3372
Fax: 083.844 4558



Định hướng phát triển

LÀ ĐỐI TÁC TIN CẬY, ĐỒNG HÀNH CÙNG NÔNG DÂN

để phát triển cây mía, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội.

1.4.1

TÂM NHÌN

Giữ vững vai trò thương hiệu đường hàng đầu Việt Nam, cung cấp các sản phẩm tốt cho sức khỏe và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng, tạo tiền đề để tiếp tục phát triển sang các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Là đối tác tin cậy, đồng hành cùng nông dân để phát triển cây mía, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội.

1.4.2

SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Tối đa hóa giá trị gia tăng cho cổ đông.

Bảo đảm môi trường làm việc, cơ hội cho mọi nhân viên có thể phát huy hết khả năng làm việc, nâng cao thu nhập và thăng tiến trong công việc.

Chiến lược Công ty đến năm 2020:

- ▶ Tập trung nguồn lực vào lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh đường.
- ▶ Đầu tư mở rộng để khai thác thêm các sản phẩm thuộc chuỗi giá trị ngành đường như các sản phẩm cạnh đường, sản phẩm sau đường và các sản phẩm mới như đường lỏng, đường Organic,...
- ▶ Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài.
- ▶ Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực của hệ thống phân phối, khai thác và phát huy tối đa thế mạnh của thương hiệu Đường Biên Hòa.
- ▶ Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu.



1.4.3

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp báo cáo phát triển bền vững

Phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược phát triển của BHS trên con đường chinh phục các mục tiêu đầy thách thức của mình. Với quan điểm “Bảo vệ môi trường sống là đảm bảo cho sự phát triển bền vững”, BHS luôn cân bằng giữa lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường, lợi ích về sức khỏe cho người tiêu dùng trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để bước đi thành công trên hành trình đó, BHS luôn tôn trọng đạo đức kinh doanh, các giá trị cốt lõi, cũng như thực hiện các hành động mang lại những giá trị bền vững cho xã hội, cộng đồng.

Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt 47 năm hoạt động luôn được BHS chú trọng, duy trì và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường Doanh nghiệp, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của tất cả cán bộ nhân viên trong vấn đề bảo vệ môi trường. Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm điện, nước, nguyên nhiên liệu để đảm bảo hạn chế tối đa việc xử lý cuối đường ống, tiết kiệm tài nguyên vừa mang lại lợi ích cho Doanh nghiệp vừa mang lại lợi ích cho môi trường. Cụ thể:

Sử dụng năng lượng hiệu quả

- Nghiên cứu đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty, Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh và Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An nhằm sử dụng năng lượng sạch, xanh, giảm phát thải khí nhà kính, giảm sự biến đổi khí hậu, giúp bảo vệ môi trường và giảm chi phí sử dụng điện.
- Nghiên cứu đầu tư bốc hơi nước đường trước khi nấu giúp giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, tăng năng suất nhà máy, làm giảm tiêu hao hơi xuống đến mức từ 1,3 tấn hơi/tấn đường xuống nhỏ hơn 1 tấn hơi /tấn đường, đạt chuẩn quốc tế.
- Nghiên cứu đầu tư hệ thống ngưng tụ hơi thoát từ nồi nấu tái sử dụng, giúp giảm chi phí nước, giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, giảm phát thải.
- Đầu tư lò hơi đốt than mới hiệu suất nhiệt cao thay cho lò cũ hiệu suất thấp, giúp giảm tiêu hao nhiên liệu than, giảm thiểu bụi phát thải ra môi trường.
- Đầu tư hệ thống vận chuyển đường âm dưới nền kho, để lấy đường trực tiếp, không dùng xe cơ giới, giúp giảm chi phí vận hành, giảm ô nhiễm môi trường, giảm ô nhiễm đường nguyên liệu.
- Năng lượng tiết kiệm thông qua đầu tư hệ thống ngưng tụ cho hơi bốc từ nồi đường, nước được tái sử dụng cho lò hơi và công nghệ.



Đảm bảo xử lý triệt để chất thải phát sinh đạt quy chuẩn xả thải:

Về công tác bảo vệ môi trường, từ năm 1997 BHS là Doanh nghiệp đầu tiên của KCN Biên Hòa 1 đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ Đan Mạch với công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm. Trong suốt thời gian qua BHS luôn đảm bảo chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn theo quy định hiện hành. Công ty cũng triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn và đảm bảo từng loại chất thải được thu gom, lưu trữ và xử lý đúng theo quy định, tận dụng. Đầu tư hệ thống xử lý khí thải với công nghệ tách bụi khô và tuần hoàn nước dập bụi nhằm tiết kiệm nước, khí thải luôn đạt quy chuẩn cho phép.

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI VỚI CÔNG SUẤT**

1.000m³

TRÊN NGÀY ĐÊM

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

1.5.1

RỦI RO ĐẶC THÙ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm tiêu dùng nói chung. Đối với Công ty cổ phần Đường Biên Hòa, sản phẩm chính của Công ty là mặt hàng thiết yếu, được sử dụng nhiều trong các lĩnh vực: chế biến thực phẩm, nước giải khát, dược phẩm,... Công ty đã thiết lập được cơ sở khách hàng khá vững chắc gồm các doanh

ng nghiệp hàng đầu trong các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát như: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa, Công ty Pepsico Việt Nam, Công ty

TNHH URC Việt Nam, Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam,... nên đầu ra của Công ty trong thời gian qua ít bị ảnh hưởng khi nền kinh tế giảm đà tăng trưởng.

Ngoài ra, nhờ khả năng dự báo tốt, tính linh hoạt trong quản trị và mối quan hệ chặt chẽ với các định chế tài chính nên rủi ro kinh tế ảnh hưởng đến Công ty ít hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

1.5.2

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật An toàn thực phẩm. Hệ thống Luật Việt Nam đang trong quá trình điều chỉnh ngày càng hoàn thiện hơn nên tính ổn định chưa cao. Điều này dễ gây ra rủi ro cho các doanh nghiệp trong quá trình thực thi.

Công ty cổ phần Đường Biên Hòa là công ty niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSX). Do vậy, hoạt động của Công ty còn chịu sự chi phối bởi Luật chứng khoán và các quy định của HSX.

Để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, Công ty đã thành lập bộ phận pháp chế. Bộ phận này luôn cập nhật các văn bản pháp luật, tư vấn cho Ban điều hành các vấn đề có liên quan và hỗ trợ phòng Nhân sự trong công tác tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật nhằm nâng cao tính tuân thủ các nội quy Công ty cũng như pháp luật.

NHỜ KHẢ NĂNG DỰ BÁO TỐT, TÍNH LINH HOẠT TRONG QUẢN TRỊ VÀ MỐI QUAN HỆ CHẶT CHẼ VỚI CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH NÊN RỦI RO KINH TẾ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TY ÍT HƠN SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC CÙNG NGÀNH.

1.5.3

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về đầu tư vùng nguyên liệu

Phát triển vùng nguyên liệu mía là yếu tố sống còn đối với công ty đường. Do vậy, từ nhiều năm nay, Đường Biên Hòa luôn chú trọng việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía, xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống tưới tiêu, hợp tác với nông dân qua các hợp đồng hỗ trợ giống, đầu tư vốn cho nông dân, ...

Trong quá trình hợp tác và hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đối mặt với rủi ro phát sinh như: bị chiếm dụng vốn, nông dân mất khả năng thanh toán.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu, chủ yếu là mía nguyên liệu, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 60% đến 70%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, vùng nguyên liệu trồng mía của Việt Nam quy mô nhỏ, phân tán, chưa được đầu tư tương xứng theo hướng công nghiệp hóa và chịu tác động rủi ro rất lớn bởi thời tiết như hạn hán, bão lụt, công tác thu hoạch chưa được chú trọng đúng mức,.... Do đó, năng suất mía thấp, chi phí cao dẫn đến giá thành nguyên liệu cao, sản lượng và diện tích hàng năm không ổn định.

Rủi ro về chính sách bảo hộ và hội nhập

Ngành đường là một trong những ngành được bảo hộ của Chính phủ bằng thuế và hạn ngạch nhập khẩu. Tuy nhiên, những cam kết bảo hộ dần được dỡ bỏ từ năm 2015 trở đi. Cụ thể: Theo cam kết hội nhập WTO và AFTA của Việt Nam, kể từ năm 2015 trở đi đường từ các nước trong khối ASEAN sẽ không còn bị hạn chế nhập

khẩu vào Việt Nam, đồng thời thuế suất nhập khẩu giảm xuống còn 5%, đến năm 2018 mức thuế suất này có khả năng sẽ giảm xuống còn 0%. Hiện thuế xuất nhập khẩu đường từ các nước ASEAN trong hạn ngạch thuế quan là 5%; các nước ngoài ASEAN là 25% đối với đường thô, 40% đối với đường trắng. Thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan: 80% đối với đường thô, 85% đối với đường trắng.

Trong khi đó, khả năng cạnh tranh của ngành Đường thấp do năng suất, chất lượng mía thấp hơn so với khu vực và giá thành mía, giá thành sản phẩm đường cũng cao hơn. Do vậy, sắp tới các công ty đường trong nước sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp đường trong khu vực, nhất là từ các nước Thái Lan, Campuchia, Lào. Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, nâng cao năng suất nhằm giảm giá thành sản xuất để có thể cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu.

Rủi ro lãi suất

Do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh đường, các công ty cần khá nhiều vốn để đầu tư cho nông dân, thu mua mía nguyên liệu khi vào vụ, đầu tư mới hoặc nâng cấp máy móc thiết bị,... Bên cạnh vốn chủ sở hữu thì vốn vay từ ngân hàng là nguồn tài trợ chủ yếu. Vì vậy, lãi vay có tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Với uy tín của một doanh nghiệp lớn trong ngành đường, Công ty luôn có lịch sử vay và trả nợ tốt nên mối quan hệ của Công ty với các định chế tài chính rất tốt, chính vì vậy, tác động của rủi ro lãi suất không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.



VỚI UY TÍN CỦA MỘT DOANH NGHIỆP LỚN TRONG NGÀNH ĐƯỜNG, CÔNG TY LUÔN CÓ LỊCH SỬ VAY VÀ TRẢ NỢ TỐT NÊN MỐI QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH RẤT TỐT

Rủi ro cạnh tranh trong ngành

Rủi ro cạnh tranh bởi hàng giả và hàng kém phẩm chất: Áp lực cạnh tranh từ nguồn đường nhập lậu giá rẻ vẫn chưa có hướng giải quyết. Hàng nhập lậu chủ yếu từ Thái Lan qua biên giới các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Long An,... Lượng đường nhập lậu ước tính khoảng 400.000 - 500.000 tấn/năm. Hàng nhập lậu ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của các công ty đường nội địa.

Hiện nay sản phẩm Công ty nằm trong Top đầu của ngành đường cộng với kinh nghiệm hơn 45 năm trong ngành nên Công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng rộng khắp cả nước. Hơn nữa, Công ty luôn có những biện pháp để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh trong ngành như luôn duy trì và tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định giá bán, nâng cao năng suất để hạ giá thành sản phẩm, dẫn tiệm cận với giá đường thế giới.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

-
- 
01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 02. Tổ chức và nhân sự
 03. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn
 04. Tình hình tài chính
 05. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 06. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội công ty:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2.1.1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NỘI DUNG	ĐVT	TH 14-15	KH 15-16	TH 15-16	SO VỚI KH	SO VỚI CÙNG KỲ
Sản lượng đường sản xuất	Tấn	181.156	160.635	183.364	114%	101%
Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	214.010	215.266	221.432	103%	103%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.975	3.125	4.366	140%	147%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.627	2.764	3.764	136%	143%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	127	220	296	135%	234%

Ghi chú: sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ là số liệu tại công ty mẹ BHS. Trong đó, sản lượng tiêu thụ không bao gồm đường thô.

Trong niên độ 2015-2016, nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình phục hồi nhưng với xu hướng chậm và chứa đựng nhiều rủi ro. Ngoài ra, tình hình thời tiết khắc nghiệt và hiện tượng El nino cũng có tác động nhất định đến tình hình sản xuất toàn công ty. Tuy nhiên, nhờ tận dụng tốt các điều kiện của thị trường và sự linh hoạt của Ban lãnh đạo mà công ty đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu đề ra. Về công tác sản xuất, sản lượng sản xuất tại công ty mẹ đạt 183.364 tấn đường, vượt 14% kế hoạch và vượt 1% so với cùng kỳ. Về công tác kinh doanh, tổng sản lượng tiêu thụ đạt 221.432 tấn đường vượt 3% kế hoạch và 3% so với cùng kỳ. Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Group BHS đạt 296 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do giá bán tăng 2% so với kế hoạch và sản lượng tiêu thụ vượt 3%, mặt khác công ty kiểm soát tốt chi phí như chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và tài chính lẫn lượt đều thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

**SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT
TẠI CÔNG TY MẸ ĐẠT**

183.364

TẤN ĐƯỜNG

2.1.2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, bao gồm:

TÊN	CHỨC VỤ
Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Quang Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Quế Trang	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Henry Chung	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, bao gồm:

TÊN	CHỨC VỤ
Ông Lê Văn Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc gồm 03 thành viên, bao gồm

TÊN	CHỨC VỤ
Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật sản xuất

**TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN CÁC THÀNH VIÊN TRONG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****ÔNG VÕ TÒNG XUÂN****BÀ TRẦN QUẾ TRANG****BÀ NGUYỄN THỊ HOA****ÔNG HENRY CHUNG****ÔNG LÊ QUANG HẢI****01****Bà Nguyễn Thị Hoa**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hiện đang sở hữu 500.496 cổ phần,
chiếm tỷ lệ 0,386%
Các chức vụ tại công ty khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV
Đường Biên Hòa – Ninh Hòa
Thành viên HĐQT Công ty CP
Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường
Thành Thành Công

02**Bà Trần Quế Trang**

Chức vụ: TV Hội đồng quản trị
Hiện đang sở hữu 522.400 cổ phần,
chiếm tỷ lệ 0,403%
Các chức vụ tại công ty khác:
▶ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần
Đường Biên Hòa – Phan Rang
▶ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần
Thương mại XNK Biên Hòa.
▶ Thành viên HĐQT Công ty TNHH
MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa
▶ Thành viên HĐQT Công ty CP Mía
đường Tây Ninh

03**Ông Lê Quang Hải**

Chức vụ: TV Hội đồng quản trị
Hiện đang sở hữu 304.500 cổ phần,
chiếm tỷ lệ 0,234%
Các chức vụ tại công ty khác:
▶ Thành viên HĐQT Công ty TNHH
MTV Thành Thành Công – Gia Lai

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ CƠ QUAN QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY, THỰC THI NHIỆM VỤ HOẠCH ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI, MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TOÀN CÔNG TY ĐỒNG THỜI KIỂM TRA, GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẦU RA, LÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ CAO NHẤT CỦA CÔNG TY. HIỆN TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CÓ 5 THÀNH VIÊN, NHIỆM KỲ MỖI THÀNH VIÊN LÀ 5 NĂM.

04

Ông Võ Tòng Xuân

Chức vụ: TV Hội đồng quản trị

Hiện đang sở hữu 0 cổ phần

Các chức vụ tại công ty khác:

- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công

05

Ông Henry Chung

Chức vụ: TV Hội đồng quản trị

Hiện đang sở hữu 159.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012%

Các chức vụ tại công ty khác:

- ▶ Không có chức vụ tại Công ty khác.



“MỤC TIÊU CỦA CHÚNG TÔI LÀ GIỮ VỮNG VAI TRÒ THƯƠNG HIỆU ĐƯỜNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM, CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM TỐT CHO SỨC KHỎE VÀ NHU CẦU DINH DƯỠNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, TẠO TIỀN ĐỂ ĐỂ TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN SANG CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á.”

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẦU RA, CÓ NHIỆM VỤ KIỂM TRA TÍNH HỢP LÝ, HỢP PHÁP TRONG ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY. HIỆN TẠI BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY GỒM 3 THÀNH VIÊN, MỖI THÀNH VIÊN CÓ NHIỆM KỲ 5 NĂM.

BÀ NGUYỄN THÙY VÂN

ÔNG LÊ VĂN HÒA

BÀ LƯU ĐẶNG MỸ QUỲNH



01

Ông Lê Văn Hòa

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Hiện đang sở hữu 70.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,054 %

Các chức vụ tại công ty khác:

- ▶ Trưởng BKS Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công
- ▶ Thành viên BKS Công ty CP Đường Nước Trong
- ▶ Thành viên BKS Công ty CP Cao Su Nước trong

02

Bà Nguyễn Thùy Vân

Chức vụ: TV Ban Kiểm Soát
Hiện đang sở hữu 0 cổ phần.

Các chức vụ tại công ty khác:

- ▶ Trưởng BKS Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
- ▶ Trưởng BKS Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh

03

Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh

Chức vụ: TV Ban Kiểm Soát
Hiện đang sở hữu 0 cổ phần.

Các chức vụ tại công ty khác:

- ▶ Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh
- ▶ Thành viên BKS Công ty Cổ phần Trà Phú.

**TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁ NHÂN CÁC THÀNH VIÊN TRONG
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****ÔNG TRẦN QUỐC THẢO**
Phó Tổng giám đốc tài chính**ÔNG NGUYỄN MINH TÍN**
Kế toán trưởng**BÀ TRẦN QUẾ TRANG**
Tổng giám đốc**ÔNG NGUYỄN THÀNH KHIÊM**
Phó Tổng giám đốc phụ trách
khối Kỹ thuật sản xuất**01****Bà Trần Quế Trang**

Họ và tên: Trần Quế Trang
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 08/08/1980
 Nơi sinh : Bạc Liêu
 CMND: 025658777
 Ngày cấp CMND: 31/10/2012
 Nơi cấp CMND: Công an TP.HCM
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú: 173 Thái Phiên,
 Phường 9, Quận 11, TP.HCM
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Số cổ phần đang nắm giữ: 522.400 CP

02**Ông Trần Quốc Thảo**

Họ và tên : Trần Quốc Thảo
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 24/04/1979
 Nơi sinh : Đồng Nai
 CMND: 271388525
 Ngày cấp CMND: 01/07/2002
 Nơi cấp CMND: Công an Đồng Nai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú: 9A Cư xá Giấy Tân Mai,
 khóm I, P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân TC doanh nghiệp
 Số cổ phần đang nắm giữ: 76.700 CP

CÁC THAY ĐỔI VỀ THÀNH PHẦN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NIÊN ĐỘ 2015 – 2016

HỌ TÊN	NGÀY VÀO CÔNG TY	NGÀY MIỄN NHIỆM	CHỨC DANH	GHI CHÚ
Lê Ngọc Thông	01/10/2014	01/02/2016	Phó TGD Kinh doanh	Nghỉ việc
Nguyễn Quốc Việt	25/08/2014	15/09/2015	Phó TGD phụ trách NMĐ Biên Hòa – Trị An & NMĐ Biên Hòa – Tây Ninh	Nghỉ việc

Số lượng CBNV bình quân trong Niên độ 2015-2016: 1.082 người (ngày 30/6/2015: 894 nhân viên), thu nhập bình quân là 8.997.000 đồng/người/tháng.

Những chính sách thay đổi trong niên độ:

Trong niên độ 2015 – 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phát hành cổ phiếu ưu đãi dành cho Người lao động trong Công ty với tỷ lệ 5% vốn điều lệ.

03

Ông Nguyễn Thành Khiêm

Họ và tên: Nguyễn Thành Khiêm
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 24/5/1968
 Nơi sinh : Hòa Thành – Tây Ninh
 CMND: 072068000740
 Ngày cấp CMND: 14/6/2016
 Nơi cấp CMND: ĐKQL Cư trú & DLQG về Dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú: 05, Hẻm 41, Đường CMT8, KP 6, Phường 3, TP Tây Ninh
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hóa
 Số cổ phần đang nắm giữ : 104.400 CP

04

Ông Nguyễn Minh Tín

Họ và tên: Nguyễn Minh Tín
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 16/08/1980
 Nơi sinh : Đồng Nai
 CMND: 271466340
 Ngày cấp CMND: 02/02/2012
 Nơi cấp CMND: Công an Đồng Nai
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: A66, ấp 6, xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân KT-KT
 Số cổ phần đang nắm giữ : 48.900 CP



- ▶ TOP 100 Doanh nghiệp
- Doanh nhân xuất sắc
ASEAN năm 2016



- ▶ Giải thưởng Sao vàng đất
Việt năm 2015



- ▶ Giải thưởng Sao vàng đất
Việt năm 2015

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

- ▶ Công ty được tổ chức BSI cấp giấy chứng nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào ngày 12/08/2012.
- ▶ Giấy chứng nhận nhận hệ thống HACCP áp dụng cho sản xuất đường luyện do tổ chức Intertek cấp ngày 08/06/2012.
- ▶ Công ty được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới” vào ngày 07/11/2000.
- ▶ Công ty là đơn vị duy nhất trong toàn ngành đường có sản phẩm được bình chọn liên tục trong 19 năm liền là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” (1997-2015). Năm 2006 nằm trong TOP 100 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam được người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức, năm 2007 nằm trong 100 thương hiệu dẫn đầu được người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.
- ▶ Năm 2004 - 2007, Công ty được bình chọn và được trao cúp vàng “Top Ten Thương Hiệu Việt” do Hội Sở hữu Công nghiệp Việt Nam - Mạng thương hiệu Việt bình chọn.
- ▶ Năm 2005 - 2007, nhận danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng” do Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin bình chọn.
- ▶ Năm 2006 - 2007, nhận danh hiệu “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng”, doanh nghiệp Việt Nam uy tín - chất lượng năm 2007.
- ▶ Năm 2006 đạt Cúp vàng “Vì sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững”.
- ▶ Năm 2004 - 2008, nhận danh hiệu Bạn Nhà Nông.
- ▶ Sao vàng đất Việt năm 2008, 2015
- ▶ Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty Cổ phần hàng đầu năm 2008.
- ▶ Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



**CÔNG TY ĐƯỢC TỔ CHỨC BSI
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT HỆ
THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001:2008
VÀO NGÀY 12/08/2012.**



Tình hình đầu tư tình hình thực hiện các dự án lớn

2.3.1

NHỮNG DỰ ÁN TRỌNG TÂM ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NIÊN ĐỘ 2015-2016

Trong niên độ 2015-2016, Công ty cổ phần Đường Biên Hòa đã triển khai thực hiện một số dự án trọng tâm với mục tiêu giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường

Đầu tư quy hoạch khu vực đóng – lưu trữ đường túi tại Công ty tạo thêm 01 diện tích kho đủ lớn để chứa sản phẩm và giảm chi phí bốc xếp vận chuyển nội bộ, quy hoạch khu đóng gói sản phẩm chuyên biệt để tạo thêm thế mạnh thương hiệu. Điều này giúp Công ty chủ động trong công tác điều hành sản xuất và kinh doanh. Tổng mức đầu tư của các dự án 13,2 tỷ đồng.

Nhận thấy hiệu quả của việc áp dụng công nghệ tưới mới trong giai đoạn 1 tại Nông trường Thành Long mang lại, trong niên độ 2016-2017, Công ty tiếp tục triển khai giai đoạn 2 cũng bằng công nghệ Center Pivot với mục tiêu tưới tưới 310 ha. Như vậy, việc đầu tư này sẽ nâng tổng diện tích mía được tưới theo công nghệ tiên tiến tại Nông Trường Thành Long đạt 540 ha, chiếm trên 50% diện tích hiện có của Nông trường, tổng mức đầu tư dự án là 21,68 tỷ đồng.

Công tác phòng vệ thực phẩm tại công ty được đánh giá cao. Công ty đã và đang triển khai thực hiện dự án “Phòng vệ thực phẩm” với mục tiêu hướng đến thương hiệu “Đường Biên Hòa” luôn là một thương hiệu uy tín với các sản phẩm tốt, an toàn và chất lượng. Dự án có tổng mức đầu tư 1 tỷ đồng.

Bên cạnh đó công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư lắp đặt mới thiết bị, cải tiến công nghệ tại các nhà máy để ổn định dây chuyền sản xuất: chất lượng, công suất; tạo ra thêm nhiều chủng loại sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng.

Chi phí đầu tư tại các nhà máy (Bảng bên)



Tại Công ty cổ phần Đường Biên Hòa đã đầu tư xây lắp mới 01 lò hơi đốt than công suất 25 tấn/giờ. Công trình đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng cho thấy hiệu quả của việc đầu tư đúng hướng, đạt mục tiêu giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm giá thành sản xuất. Tổng mức đầu tư của dự án 34 tỷ đồng.

TÊN NHÀ MÁY	ĐƠN VỊ	CHI PHÍ
Biên Hòa	Tỷ đồng	155
Trị An	Tỷ đồng	6,2
Tây Ninh	Tỷ đồng	3
Biên Hòa – Thành Long	Tỷ đồng	23,7

2.3.2

NHỮNG DỰ ÁN DỰ KIẾN TIẾP TỤC TRIỂN KHAI VÀ HOÀN THÀNH TRONG NIÊN ĐỘ 2016-2017

- ▶ Nghiên cứu đầu tư, nâng công suất và chất lượng sản phẩm đường phèn
- ▶ Thực hiện lắp đặt hệ thống điện mặt trời 99kW tại Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Trị An và Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh vào tháng 10/2016
- ▶ Đầu tư hệ thống quan trắc khói lò hơi tự động tại Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh.
- ▶ Nghiên cứu đầu tư triển khai phần mềm dự án công nghệ thông tin gồm ERP, FRM là ứng dụng di động (Mobile App) và phần mềm quản lý sản xuất và nông nghiệp.

21,68 tỷ đồng là tổng mức đầu tư dự án tưới mới tại nông trường Thành Long niên độ 2016-2017



2.3.3

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**Công ty TNHH MTV Hải Vĩ**

- ▶ Địa chỉ: ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- ▶ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp
- ▶ Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng
- ▶ Tỷ lệ sở hữu: 100%
- ▶ Tình hình tài chính:

(a)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/07/2015- 30/06/2016	01/07/2014- 30/06/2015
Doanh thu	16.965	12.782
Lợi nhuận trước thuế	8.927	2.681

Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Thành Long

- ▶ Địa chỉ: ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- ▶ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp
- ▶ Chưa hoạt động

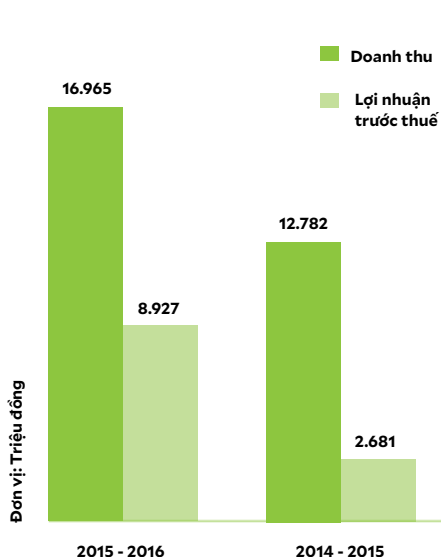
Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa

- ▶ Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- ▶ Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh đường.
- ▶ Tỷ lệ cổ phần do Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa nắm giữ: 100%.

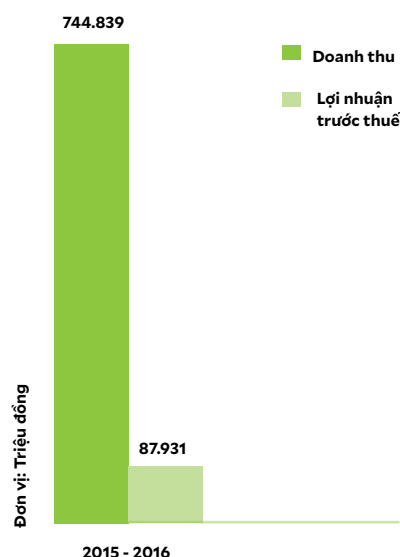
(b)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/11/2015- 30/06/2016	01/07/2014- 30/06/2015
Doanh thu	744.830	-
Lợi nhuận trước thuế	87.931	-



(a)



(b)

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang

- Địa chỉ: 160 Bắc Ái, Phường Đô Vinh, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ
- Tỷ lệ cổ phần do Công ty CP Đường BH nắm giữ: 94,51%.

(c)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/11/2015- 30/06/2016	01/07/2014- 30/06/2015
Doanh thu	253.881	-
Lợi nhuận trước thuế	13.785	-

Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công

- Địa chỉ: 99 Bình Hòa, Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 24%
- Tình hình tài chính:

(d)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/07/2015- 30/06/2016	01/07/2014- 30/06/2015
Doanh thu	5.053	3.829
Lợi nhuận trước thuế	(1.311)	13

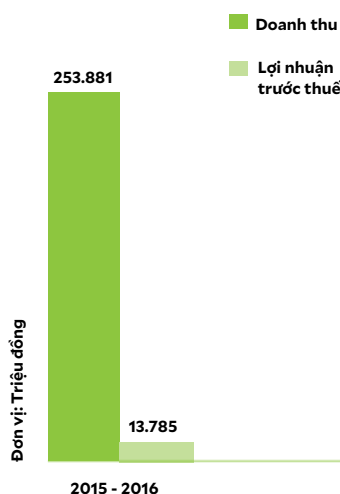
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh hợp nhất

- Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, Phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 294.040.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi bốn tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng)
- Tỷ lệ sở hữu: 26,49%
- Tình hình tài chính

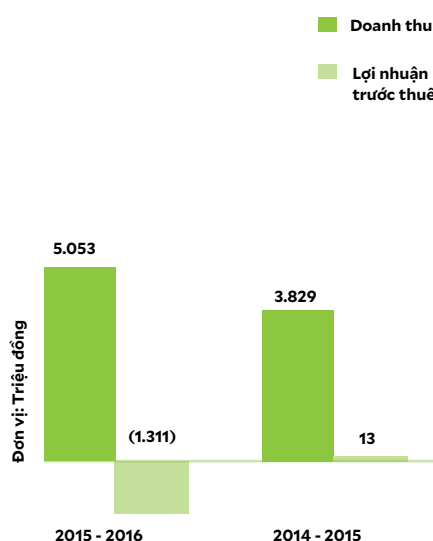
(e)

Đơn vị: Triệu đồng

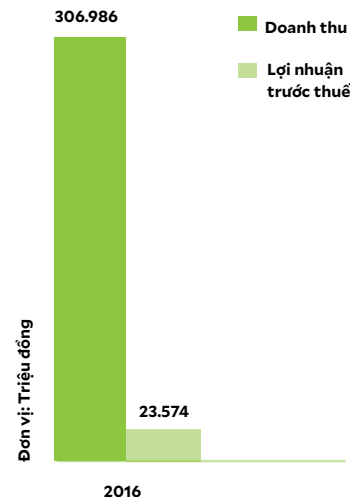
CHỈ TIÊU	17/02/2016- 30/06/2016	01/07/2014- 30/06/2015
Doanh thu	306.986	-
Lợi nhuận trước thuế	23.574	-



(c)



(d)



(e)

Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	ĐVT	NIÊN ĐỘ 2014-2015	NIÊN ĐỘ 2015-2016	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.429.595	5.972.988	146%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.974.812	4.366.287	47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	123.388	290.758	136%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.377	5.330	58%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	126.765	296.087	134%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	98.952	248.300	151%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	1.571	2.052	31%



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	2014-2015	2015-2016	%
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,110	1,174	106%
Hệ số thanh toán nhanh	0,629	0,731	116%
Hệ số thanh toán bằng tiền	0,027	0,163	604%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,625	0,642	103%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,666	1,791	108%
Hệ số nợ ngắn hạn/VCSH	1,592	1,492	94%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	3,439	3,560	104%
Vòng quay TTS	1,250	1,039	83%
Vòng quay khoản phải thu khách hàng	8,991	9,393	104%
Vòng quay khoản phải trả	24,864	15,435	62%
Doanh thu thuần/tổng tài sản	1,223	0,731	60%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/DTT	3,3%	5,7%	173%
Hệ số LNST/VCSH	10,7%	11,6%	108%
Hệ số LNST/TTS	4,0%	4,2%	103%
Hệ số EBIT/DTT	6,5%	9,3%	144%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	4,1%	6,7%	163%
5. Tốc độ tăng trưởng			
Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	0,6%	46,8%	7306%
Tốc độ tăng trưởng LNTT	24,7%	133,6%	542%
Tốc độ tăng trưởng LNST	25,4%	150,9%	594%

Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

2.5.1

CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu: 129.511.198 cổ phiếu

Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 123.343.998 cổ phiếu

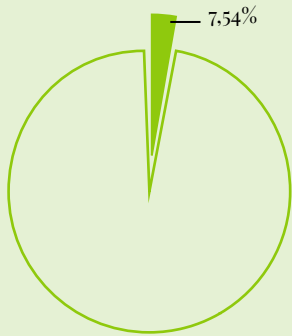
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 6.167.200 cổ phiếu

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU**129.511.198** CỔ PHIẾU

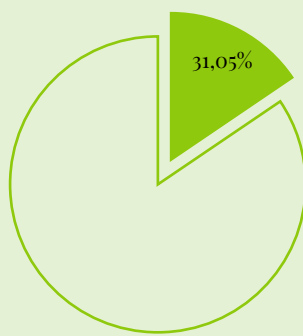
2.5.2

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 31/8/2016)

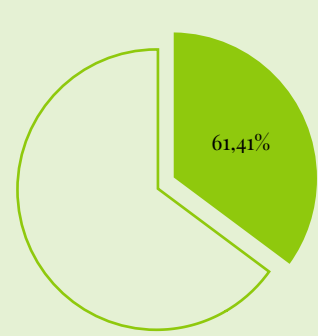
CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)
I. Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
II. Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên	2	40.214.260	31,05%
1. Cổ đông tổ chức	2	40.214.260	31,05%
Trong nước	2	40.214.260	31,05%
Nước ngoài	0	0	0%
2. Cổ đông cá nhân	0	0	0%
III. Cổ đông sở hữu <5% vốn cổ phần	84	9.762.810	7,54%
1. Cổ đông là tổ chức	84	9.762.810	7,54%
Trong nước	64	1.910.454	1,48%
Nước ngoài	20	7.852.356	6,06%
2. Cổ đông cá nhân	5.111	79.534.128	61,41%
Trong nước	4932	77,390,707	59,76%
Nước ngoài	179	2.143.421	1,655%
IV. Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
TỔNG	5.197	129.511.198	100,00%



Cổ đông tổ chức sở hữu < 5%



Cổ đông tổ chức sở hữu > 5%



Cổ đông cá nhân nhỏ hơn 5%

2.5.3

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THỜI ĐIỂM TĂNG VỐN	SỐ LƯỢNG CP PHÁT HÀNH (CP)	VỐN ĐIỀU LỆ SAU PHÁT HÀNH (ĐỒNG)	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	ĐƠN VỊ CẤP
Tháng 11/2015	60.349.080	1.233.439.980.000	Phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phần của CTCP Đường Ninh Hòa	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
Tháng 06/2016	6.167.200	1.295.111.980.000	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

2.5.4

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty không nắm giữ cổ phiếu quỹ, vì vậy trong năm không phát sinh giao dịch.

2.5.5

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2015 Công ty đã sáp nhập Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa vào theo hình thức phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, nâng vốn điều lệ sau sáp nhập lên 1.233.439.980.000 đồng.

Năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, với số lượng

6.167.200 Cổ phiếu phổ thông, tổng giá trị phát hành 61.672.000.000 đồng, tiếp tục nâng Vốn điều lệ Công ty lên 1.295.111.980.000 đồng.

Tháng 6/2016, Công ty phát hành đợt trái phiếu đầu tiên với loại trái phiếu không chuyển đổi có tổng giá trị theo mệnh giá là 500 tỷ đồng, tương đương 500 trái phiếu; đáo hạn năm 2021, kỳ hạn trả lãi 6 tháng 1 lần, dưới tên gọi "Trái phiếu CTCP Đường Biên Hòa năm 2016".

2.5.6 CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

VỚI PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC

BHS cam kết luôn tuân thủ các quy định của pháp luật trong tất cả các hoạt động tổ chức, sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường của Công ty.

VỚI CỔ ĐÔNG

BHS luôn cập nhật thông tin tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tình hình tài chính hàng quý, 6 tháng và cả niên độ của Công ty đến cổ đông một cách nhanh chóng và minh bạch trên trang điện tử của Công ty, thực hiện công bố thông tin đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM kịp thời và theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn chi trả cổ tức cho các cổ

đồng khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình chi trả cổ tức cho cổ đông trong các năm gần đây như sau:

- ▶ Năm 2013: 1.000 đồng/cổ phiếu
- ▶ Năm 2014: 500 đồng/cổ phiếu
- ▶ Niên độ 2014-2015: 500 đồng/cổ phiếu
- ▶ Niên độ 2015-2016: dự kiến 800 – 1.000 đồng/cổ phiếu

Về các quyền lợi khác, BHS luôn tạo điều kiện để cổ đông bình đẳng trong công tác giám sát doanh nghiệp, được tham dự và đóng góp ý kiến trong tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hay bất thường hoặc bằng nhiều hình thức khác nhau, được quyền đưa ra ý kiến và cũng thảo luận để đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giúp Công ty ngày càng phát triển và thịnh vượng.

Với Khách hàng

BHS cam kết sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sạch, an toàn, chất lượng tốt nhất và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Nghiên cứu và phát triển đa dạng hóa nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của khách hàng.

Cung cấp dịch vụ và đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, sẵn sàng hỗ trợ người tiêu dùng khi cần thiết.



**XÁC ĐỊNH CON NGƯỜI
LÀ “NỀN TẢNG MẠNH VÀ
GẮN LIỀN CHO NHỮNG
THÀNH CÔNG” VÌ VẬY
BHS LUÔN CHÚ TRỌNG
TỚI VIỆC ĐÀO TẠO, PHÁT
TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
THÔNG QUA CÁC KHÓA
HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC**

kỹ năng quản lý và
chương trình thi
đua khen thưởng,
giao lưu trao đổi
kinh nghiệm và học
tập ở trong và ngoài
nước.

VỚI ĐỐI TÁC

Trách nhiệm của BHS và các công ty thành viên đối với khách hàng, đối tác, người tiêu dùng thể hiện ở những điểm: Cam kết về chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi; Tính trung thực trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm; Sự bảo đảm an toàn sức khỏe cho cộng đồng. BHS và các đơn vị thành viên cam kết thực hiện:

- ▶ Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất cho người nông dân trồng mía.
- ▶ Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ chất lượng.
- ▶ Giữ gìn uy tín trong giao thương, kinh doanh với đối tác, nhà cung ứng.
- ▶ Không ngừng đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong tất cả các hoạt động, lĩnh vực kinh doanh.

VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định con người là “Nền tảng mạnh và gắn liền cho những thành công” vì vậy BHS luôn chú trọng tới việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua các khóa học bổ sung kiến thức về kỹ năng quản lý và chương trình thi đua khen thưởng, giao lưu trao đổi kinh nghiệm và học tập ở trong và ngoài nước.

Chính sách phúc lợi dành cho người lao động luôn được Công ty quan tâm đúng mức, các chính sách thường xuyên được Công ty rà soát và điều chỉnh phù hợp.

Có cơ chế thu hút người tài với mức thu nhập cạnh tranh so với các Công ty trong khu vực lân cận.

Luôn tạo điều kiện và môi trường chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ nhân viên được hài lòng.

VỚI CỘNG ĐỒNG

Tham gia các hoạt động hỗ trợ địa phương hàng năm, góp sức xây dựng, duy trì và phát triển cộng đồng.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội công ty



2.6.1

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Trong niên độ sử dụng 110 ngàn tấn đường thô cho sản xuất đường tinh luyện và đóng gói các sản phẩm đường các loại (đường bao: 50 kg, 25 kg, 20 kg, 12 kg, 10 kg và đường túi 1 kg; 0,5 kg; 0,4 kg; đường que 6 và 8 g).

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Hơi nước ngưng tụ trong quá trình sản xuất được tái sử dụng hoàn toàn cho lò hơi và cho nước công nghệ.

2.6.2

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng cho sản xuất từ lò hơi, sinh ra hơi nước để chạy turbine phát điện cho sản xuất và hơi thứ.

Hơi thứ sử dụng cho quá trình chế biến, nước ngưng tụ từ hơi thứ được sử dụng cho sản xuất và cấp lại cho lò hơi.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Năng lượng tiết kiệm thông qua đầu tư hệ thống ngưng tụ cho hơi bốc từ nồi đường, nước được tái sử dụng cho lò hơi và công nghệ.

Đầu tư các hệ thống Inverter, tụ bù cho các thiết bị, hệ thống trả điện về lưới của các lý tâm làm giảm tiêu thụ điện.

Thực hiện lắp đặt hệ thống điện mặt trời 99kW tại Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Trị An và Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh vào tháng 10/2016

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

MỤC TIÊU	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH
Tiết kiệm 10% năng lượng	Đầu tư lò hơi đốt than 25 tấn/h hiệu suất nhiệt cao hơn lò cũ	Ban Quản lý dự án & Nhà máy Đường luyện
Tiết kiệm 20% năng lượng	Đầu tư bốc hơi 2 hiệu và Nấu đường tự động do giảm tiêu thụ hơi nước	Ban Quản lý dự án

2.6.3

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước:

Nước thủy cục do Công ty CP Cấp Nước Đồng Nai cấp.

Nước giải nhiệt: khai thác từ sông Đồng Nai theo giấy phép khai thác số 1260/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

Lượng nước sử dụng:

Nước cấp: Sử dụng cho sinh hoạt, sản xuất, tưới cây, phòng thí nghiệm.

KHỐI LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ TRUNG BÌNH

25.601
MỖI THÁNG

THÁNG	KHỐI LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ
07/2015	37.159
08/2015	11.010
09/2015	26.234
10/2015	27.000
11/2015	29.759
12/2015	27.198
01/2016	28.813
02/2016	24.196
03/2016	17.136
04/2016	28.226
05/2016	24.124
06/2016	26.358
TỔNG CỘNG	307.213
TRUNG BÌNH THÁNG	25.601

TIÊU THỤ NƯỚC (TIẾP THEO)**Lượng nước sử dụng**

Nước giải nhiệt: Sử dụng cho giải nhiệt thiết bị

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Nước thải sau hệ thống xử lý với công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm công suất thực tế khoảng 700m³/ngày đêm toàn bộ lượng nước sau xử lý được đưa về hồ chứa nước giải nhiệt với thể tích 14.000m³ để tuần hoàn sử dụng cho giải nhiệt thiết bị. Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý.

Nước giải nhiệt thiết bị được khai thác từ sông Đồng Nai đưa vào hồ chứa với thể tích khoảng 14.000m³ với lưu lượng khai thác 26.400m³/ngày đêm theo Quyết định về việc gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1260/QĐ-UBND, ngày 25/04/2013 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp. Nước sông sau khi giải nhiệt thiết bị từ nhà xưởng ½ nước giải nhiệt được tuần hoàn trở lại hồ giải nhiệt, ½ còn lại xả ra sông Đồng Nai vì vậy lượng nước cần khai thác trung bình mỗi ngày để giải nhiệt thiết bị khoảng 49.461m³/tháng. Tái sử dụng 50% nước giải nhiệt.

Ngoài ra, công ty còn xây dựng hệ thống làm mát và tuần hoàn nước giải nhiệt với công suất 1.500m³/h sử dụng vào mùa kiệt, như vậy vào mùa kiệt công ty chỉ bổ sung lượng nước khai thác từ sông Đồng Nai với lưu lượng khoảng 150m³/h. Vào mùa kiệt tái sử dụng 86% nước giải nhiệt.

THÁNG	LƯU LƯỢNG KHAİ THÁC (M ³ /THÁNG)	THUẾ TÀI NGUYÊN ĐÃ NỘP (VNĐ)
7/2015	26.475	2.382.750đ
8/2015	78.881	7.099.290đ
9/2015	56.760	5.108.400đ
10/2015	57.298	5.156.820đ
11/2015	56.760	5.108.400đ
12/2015	57.298	5.156.820đ
1/2016	57.298	5.156.820đ
2/2016	7.568	681.120đ
3/2016	53.601	4.824.090đ
4/2016	56.760	5.108.400đ
5/2016	57.298	5.156.820đ
6/2016	27.530	2.477.700đ
TỔNG	593.527	53.417.430Đ
TRUNG BÌNH THÁNG	49.461	4.451.453

**LƯU LƯỢNG KHAİ THÁC
TRUNG BÌNH**

49.461
M³/THÁNG

2.6.4 **TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Số lần xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Trong niên độ 15-16 công ty không có vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.

2.6.5 **CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG**

TÓM TẮT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lao động làm việc tại Công ty vào thời điểm 30/06/2016 là 1.082 người, với cơ cấu lao động phân theo trình độ và theo hợp đồng lao động như sau:

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG	TỶ TRỌNG
I. Phân theo trình độ	1.082	100%
Đại học, cao đẳng trở lên	371	34%
Trung học cơ sở	316	29%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	395	37%
II. Phân theo Hợp đồng lao động	1.082	100%
Hợp đồng lao động có thời hạn	974	90%
Hợp đồng lao động thời vụ	108	10%
TỔNG CỘNG	1.082	100%



MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN:

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty niên độ 2015 – 2016 là 8.997.000 đồng/người/tháng. Đây là mức lương khá cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành và trên cùng khu vực kinh doanh của Công ty.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc: Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBNV Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: CBNV được nghỉ Lễ và Tết 9 ngày/năm theo quy định của Nhà nước và được hưởng nguyên lương. CBNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm, CBNV có thời gian làm việc dưới 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ số tháng làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty, CBNV được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: CBNV Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ, còn được hưởng thêm các tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

► Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với năng lực và công việc của từng người. Công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo sản phẩm, hệ số lương được xét dựa theo cấp bậc và tay nghề. Công ty thực hiện chi trả lương tháng 13 đầy đủ cho CBNV có đủ 12 tháng làm việc trong năm và hưởng theo tỷ lệ số tháng làm việc.

**NHẪM TẠO SỰ GẮN BÓ
LÂU DÀI CỦA CBNV VỚI
CÔNG TY VÀ TẠO ĐỘNG
LỰC KHUYẾN KHÍCH CHO
CBNV LÀM VIỆC, CHÍNH
SÁCH ƯU ĐÃI CỔ PHIẾU
CHO CBNV DƯỚI HAI
HÌNH THỨC**

Thưởng cổ phiếu và
bán cổ phiếu với giá
ưu đãi so với giá
thị trường.

**LƯƠNG BÌNH QUÂN
HÀNG THÁNG**

8.997.000

ĐỒNG/THÁNG

- ▶ Chính sách điều chỉnh lương: Công ty thường xuyên xem xét điều chỉnh lương phù hợp với từng chức vụ công việc và hàng năm đều xét điều chỉnh, nâng lương theo từng thời kỳ kinh doanh nhằm thực hiện chính sách thu hút lao động, giữ nhân tài, đảm bảo trả lương xứng đáng cho các CBNV có năng lực đặc biệt, có nhiều đóng góp cho Công ty.
- ▶ Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng danh hiệu thi đua định kỳ hàng năm, thưởng đột xuất cho cá nhân/ tập thể và thưởng CBNV có sáng kiến, có cống hiến.
- ▶ Chính sách Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra đối với CBQL, Công ty có chính sách mua Bảo hiểm sức khỏe. Đối với các CBNV còn lại, Công ty mua bảo hiểm tai nạn 24/24.
- ▶ Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho CBNV: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của CBNV với Công ty và tạo động lực khuyến khích cho CBNV làm việc, Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho CBNV dưới hai hình thức: thưởng cổ phiếu và bán cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường.
- ▶ Chính sách bổ nhiệm: CBQL sẽ được đào tạo các chương trình CBQL cấp trung hoặc CBQL cấp cao trước khi được đề cử bổ nhiệm, CBQL sau khi được bổ nhiệm sẽ được điều chỉnh tiền lương phù hợp với vị trí mới, được tiếp tục tham dự các chương trình đào tạo/ kèm cặp để nâng cao năng lực quản lý.
- ▶ Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần.
- ▶ Chính sách phúc lợi khác: hàng năm CBNV được công ty chi ngân sách tổ chức đi nghỉ mát theo chế độ, Khám sức khỏe định kỳ hàng năm, cấp phát đồng phục và bảo hộ lao động, tổ chức bữa ăn ca tại bếp ăn tập thể bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm, điện thoại,...



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Chính sách đào tạo: Hàng năm Công ty đều có kế hoạch đào tạo nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển nguồn nhân lực phục vụ chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. CBNV được chủ động đề nghị hoặc được đề cử tham gia các khóa học/ chương trình đào tạo cần thiết để hoàn thành công việc được giao. CBNV tham gia các chương trình đào tạo trùng với thời gian làm việc sẽ được xem xét tạo điều kiện để hưởng lương, thưởng và tính liên tục thời gian làm việc. CBNV có thành tích xuất sắc sẽ được xem xét tham dự các CTĐT kế thừa phát triển.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Trong niên độ 2015-2016, trung bình mỗi CBNV được đào tạo 40 giờ/năm, trong đó bình quân có 32 giờ là thực hiện đào tạo theo quy định của Nhà nước và 08 giờ là thực hiện các chương trình đào tạo khác (phát triển phát triển kỹ năng và nâng cao năng lực làm việc).

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp như: Nâng cao năng lực giám sát cho CBQL, Nâng cao năng lực giám sát cho cấp Tổ trưởng sản xuất, Năng lực quản trị dành cho nhà quản lý, Kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, Kỹ năng dẫn giảng, Các chương trình tập huấn cập nhật kiến thức theo quy định Pháp luật mới của Cơ quan quản lý Nhà nước: Nghiệp vụ đấu thầu, Chế độ Thuế - Kế toán, Cập nhật kiến thức Pháp luật,...



**NGÂN SÁCH DÀNH CHO
CỘNG ĐỒNG TỐI THIỂU**

1.000.000.000
ĐỒNG/NĂM

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Những hoạt động từ thiện xã hội luôn được Ban lãnh đạo Công ty và Cán bộ nhân viên đặc biệt quan tâm, thường xuyên hưởng ứng tích cực và có nhiều đóng góp cho cộng đồng. Hằng năm, BHS luôn dành ra ngân sách với giá trị tối thiểu 1.000.000.000 đồng dành cho các chương trình vì cộng đồng địa phương, cụ thể:

- ▶ Ủng hộ hoạt động vì Hoàng Sa - Trường Sa thân yêu
- ▶ Tài trợ máy siêu âm xách tay cho chi hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Minh Tâm
- ▶ Tài trợ cho chương trình thăm và tặng quà cho thương binh và gia đình chính sách nhân ngày 27/7/2016
- ▶ Hiện BHS đang nuôi dưỡng 05 mẹ Việt Nam Anh hùng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Tây Ninh
- ▶ Tài trợ chương trình “Về Nguồn” cho Đoàn đại biểu tỉnh Tây Ninh
- ▶ Ủng hộ xây 01 căn nhà tình nghĩa cho Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam
- ▶ Tài trợ xây 01 cây cầu tại huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre
- ▶ Công ty thực hiện chiến dịch “CBCNV TTC đồng hành cùng bà con nông dân ra quân diệt trừ sâu bệnh hại lúa”.
- ▶ CBCNV tích cực tham gia chương trình hiến máu tình nguyện “Những giọt máu hồng” do Hội chữ Thập đỏ tỉnh Đồng Nai tổ chức hàng năm với quy mô lớn.

Vì những hoạt động và đóng góp tích cực này, BHS đã được phong tặng danh hiệu “Doanh nghiệp vì sự tiến bộ xã hội và phát triển bền vững”, Biểu tượng vàng Doanh nhân văn hoá năm 2006.



KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT



Nhờ công nghệ cacbonat hóa cùng hệ thống dây chuyền hiện đại, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn tạp chất, chất màu, đường khử..., công nghệ tẩy màu bằng than hoạt tính và nhựa trao đổi ION, sau gần 50 năm kinh nghiệm, BHS tự hào ghi nhận **“100% mía đường tinh khiết”** trên tất cả các dòng sản phẩm của mình, giúp người tiêu dùng tự tin chế biến các món ăn hương vị thơm ngon và tốt cho sức khỏe. Với sự tiến bộ vượt trội của khoa học công nghệ, chúng tôi luôn không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, hoàn thiện quy trình hiện đại khép kín, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các khách hàng công nghiệp lớn.



**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TGD**

-
- 
- 01. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô
 - 02. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 03. Tình hình tài chính
 - 04. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
 - 05. Kế hoạch phát triển tương lai
 - 06. Báo cáo đánh giá liên quan đến TN về MTXH

Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

3.1.1 TÌNH HÌNH CHUNG

Nền kinh tế thế giới trong thời gian vừa qua xuất hiện nhiều tín hiệu tích cực và khó khăn đan xen. Kinh tế Nhật Bản và EU tăng trưởng ở mức thấp trong khi đó Trung Quốc và một số nền kinh tế mới nổi tiếp tục suy giảm. Sự giảm giá của hàng hóa thế giới, đặc biệt là giá dầu giảm sâu và tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm cùng với biến động của thị trường tài chính, tiền tệ thế giới và Trung Quốc đã tác động đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt động xuất khẩu.

Kinh tế - xã hội nước ta 6 tháng đầu năm 2016 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi nhưng chậm và chứa đựng nhiều rủi ro. Thời tiết khắc nghiệt, các đợt rét đậm, rét hại xảy ra đầu năm gây thiệt hại về cây trồng và gia súc tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Tình hình hạn hán kéo dài, xâm nhập mặn gây ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất nông nghiệp, đời sống sinh hoạt của người dân thuộc các tỉnh từ Cà Mau đến Miền Trung Nam Bộ.



3.1.2 TÌNH HÌNH NGÀNH ĐƯỜNG

Thế giới

Hiện tượng El Nino gây khô hạn ở nhiều quốc gia châu Á, mưa lớn ở Nam Mỹ. Thời tiết xấu làm cho sản lượng và chất lượng mía trên toàn cầu giảm.

Tổ chức ISO đã nâng dự báo thiếu hụt đường toàn cầu niên vụ 2015-2016 từ 2,6 triệu tấn lên 5,6 triệu tấn và cho biết sự thiếu hụt này có thể tăng lên trong vụ 2016-2017. Một số nguyên nhân điển hình khiến cho thế giới rơi vào tình trạng thâm hụt đường như:

- ▶ Sản lượng đường sản xuất vụ 2015-2016 của Thái Lan ước đạt 9,5 – 9,6 triệu tấn, giảm 1,37 triệu tấn so với vụ 2014-2015.
- ▶ Sản xuất đường tại Trung Quốc giảm trong khi tiêu thụ tăng trưởng mạnh.

Tại Brazil, do tình hình bất ổn chính trị và kinh tế làm cho đồng nội tệ (Real) giảm giá mạnh dẫn đến quốc gia này đã phải thay đổi chính sách nhập khẩu nhiên liệu và khuyến khích sản xuất ethanol từ mía để pha trộn với xăng dẫn đến lượng đường sản xuất giảm.





12,7 TRIỆU TẤN
MÍA ÉP

1,2 TRIỆU TẤN
ĐƯỜNG

Việt Nam

Do phải cạnh tranh với các loại cây trồng khác như hoa màu, khoai mì và cây cao su, v.v ... diện tích mía vụ 2015-2016 bị sụt giảm từ 305.000 ha xuống còn khoảng 290.000 ha. Ngoài ra hiện tượng El nino làm cho sản lượng, chất lượng mía của Việt Nam bị sụt giảm đáng kể. Tình trạng cạnh tranh thu mua nguyên liệu giữa các nhà máy trở nên khốc liệt hơn khiến cho chi phí mía tăng cao.

Theo Hiệp hội mía đường, vụ 2015-2016 cả nước ép được 12,7 triệu tấn mía, sản xuất được khoảng 1,2 triệu tấn đường, thấp hơn 300 ngàn tấn so với kế hoạch và giảm 280 ngàn tấn so với vụ 2014-2015. Đường Thái nhập lậu đã được siết chặt và ngăn chặn nhưng vẫn tiếp diễn bằng nhiều hình thức khác nhau như sang bao, đóng thành cây 12 kg, thậm chí hòa lỏng để cung ứng cho một số đơn vị sản xuất đường phèn với giá bán rẻ.

Tình hình xuất khẩu qua Trung Quốc hầu như bị đóng băng, do đường Thái nhập lậu vào Trung Quốc qua biên giới Myanmar với giá rẻ hơn giá đường Việt Nam.

Chính sách nhập khẩu đường của chính phủ có một số thay đổi, ngoài hạn ngạch nhập khẩu 2016 theo cam kết WTO 85.000 tấn, Chính phủ còn cho phép nhập khẩu 50.000 tấn từ Lào. Ngoài ra, vừa qua chính phủ vừa ký quyết định trước mắt cho nhập thêm 100.000 tấn. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược huy động đường thô, chiến lược bán hàng của BHS.



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**KẾT QUẢ TỔNG THỂ
CHO THẤY, NIÊN ĐỘ
2015-2016, LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ CỦA
CÔNG TY ĐẠT 296 TỶ
ĐỒNG, VƯỢT 35% SO
VỚI KẾ HOẠCH.**

Các hoạt động nổi bật
công ty đã đạt được
trong niên độ vừa qua
cụ thể như sau:

3.2.1

VỀ CÔNG TÁC KINH DOANH - MARKETING

Tận dụng được lợi thế của thị trường dự báo thông tin tốt, công ty đã huy động được nguồn nguyên liệu giá rẻ, tạo ra những sản phẩm chất lượng với giá cả hợp lý, mở rộng và chiếm lĩnh thị phần.

Trong niên độ công ty đã triển khai phát triển hệ thống phân phối Miền Trung, Miền Bắc vào tháng 09/2015. Hoàn thành mục tiêu về sản lượng tiêu thụ kênh tiêu dùng trước 1 quý của niên độ. Hệ thống phân phối đã lan rộng và trải dài khắp cả nước với 94 Nhà phân phối và 26 Brand Shop.

3.2.2

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Bên cạnh sản lượng sản xuất vượt 14% kế hoạch đề ra thì nhờ kiểm soát chặt chẽ nên chi phí chế luyện tại Nhà máy Đường luyện thấp hơn so với kế hoạch chủ yếu là do nhà máy đã đưa các thông số kỹ thuật kiểm soát quá trình vào chỉ tiêu đánh giá KPIs của cán bộ nhân viên, nên các tiêu hao hóa chất, vật tư nguyên liệu giảm xuống thấp hơn so với định mức. Đồng thời, hầu hết các chỉ tiêu về hệ số an toàn thiết bị và tổng thu hồi tại các Nhà máy cũng đều tốt hơn so với kế hoạch và cùng kỳ. Cụ thể, tại Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An và Biên Hòa – Tây Ninh, hệ số an toàn thiết bị đều hoàn thành 101% kế hoạch.

3.2.3

VỀ CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

Tại Nông trường Thành Long: Niên độ 2015-2016, hầu hết các chỉ tiêu diện tích sản xuất, chất lượng mía và giá thành sản xuất đều vượt kế hoạch và tốt hơn so với niên độ trước. Điển hình, sản lượng mía thu hoạch vượt 16.000 tấn và năng suất bình quân cao hơn 14,42 tấn/ha so với kế hoạch. Điều này cho thấy kết quả của việc đầu tư đúng hướng theo một mô hình nông trường kiểu mẫu với việc đầu tư đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất từ khâu làm đất, trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Với việc thực hiện theo quy trình chuẩn trong canh tác cùng với đầu tư hệ thống tưới và hai máy thu hoạch góp phần nâng cao năng suất, chất lượng mía và giảm giá thành sản xuất khi giảm gần 16% so với kế hoạch đề ra.

Tại Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: Để đảm bảo sản lượng sản xuất trong niên vụ, Nhà máy đã chủ động huy động thêm nguồn mía bao tiêu bên ngoài nâng sản lượng mía ép lên 237.834 đạt 113% so với kế hoạch. Năng suất mía vụ đầu tư 2014-2015 vượt 3% so kế hoạch và tăng 7% so cùng kỳ do một số khu vực có diện tích lớn như Trảng Bom tăng diện tích tưới mía. Ngoài ra, Nhà máy đã kết hợp với UBND xã Trị An vận động khách hàng chuyển đổi cây trồng từ đất lúa sang trồng mía nên khu vực này có năng suất bình quân trên 80 tấn/ha. Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư đạt 99%.

NỘI DUNG	ĐVT	KH 2015-2016	TH 2015-2016	SO VỚI KẾ HOẠCH
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.125	4.366	140%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.764	3.764	136%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	220	296	135%

3.2.4

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Tại Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh: Nhà máy đã chủ động phối hợp chặt chẽ với Nông trường Thành Long trong vấn đề điều tiết sản lượng nên sản lượng mía ép đạt 100% so với kế hoạch, bên cạnh đó, Nhà máy đã thực hiện tốt công tác phòng chống cháy mía, diện tích mía cháy giảm đáng kể chỉ bằng 51% so với niên độ trước.

Niên độ 2015-2016, BHS đã huy động thành công gói 500 tỷ đồng trái phiếu, đây là lần đầu tiên BHS huy động trái phiếu góp phần làm gia tăng hình ảnh thương hiệu BHS trên thị trường tài chính. Đồng thời, BHS được các ngân hàng tin tưởng cấp thêm 570 tỷ đồng hạn mức tín dụng, nâng tổng hạn mức tín dụng các tổ chức tín dụng từ 2.000 tỷ đồng lên 2.570 tỷ đồng.

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị đã bước đầu được hình thành, cụ thể thông qua các sản phẩm như:

- ▶ Báo cáo thực hiện ngân sách chi phí theo đơn vị được thực hiện định kỳ để kiểm soát ngân sách chi phí và cảnh báo trong trường hợp các đơn vị sử dụng vượt kế hoạch ngân sách.
- ▶ Báo cáo tài chính theo đơn vị để nêu lên bức tranh hiệu quả hoạt động thực tế của từng nhà máy, xác định được các trung tâm lợi nhuận cũng như trung tâm chi phí của toàn Công ty.
- ▶ Báo cáo phân tích chỉ số tài chính với mục đích kiểm soát các chỉ tiêu tài chính quan trọng đặc biệt là các chỉ tiêu liên quan đến đánh giá tín nhiệm BHS của các tổ chức tín dụng.



2.570

**TỶ ĐỒNG
TỔNG MỨC TÍN DỤNG**

Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	30/06/2015	30/06/2016	+/-	%
Tài sản ngắn hạn	1.618.680	3.746.795	2.128.116	231%
Tài sản dài hạn	810.915	2.226.192	1.415.277	275%
TỔNG TÀI SẢN	2.429.595	5.972.988	3.543.393	246%
Nợ phải trả	1.515.903	3.832.764	2.316.860	253%
Nợ ngắn hạn	1.448.330	3.192.389	1.744.059	220%
Nợ dài hạn	67.574	640.375	572.801	948%
Nguồn vốn chủ sở hữu	913.692	2.140.224	1.226.533	234%
TỔNG NGUỒN VỐN	2.429.595	5.972.988	3.543.393	246%

3.3.1

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của công ty tại ngày 30/6/2016 là 5.973 tỷ đồng, cao hơn cùng kỳ 3.543 tỷ đồng, tương ứng tăng 146% so với cùng kỳ. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 2.128 tỷ đồng tương ứng tăng 131%, tài sản dài hạn tăng 1.415 tỷ đồng tương ứng tăng 175%.

TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY TĂNG

146%

3.3.2

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Tổng nguồn vốn trong kỳ được đóng góp bởi việc tăng 153% nợ phải trả và tăng 134% nguồn vốn chủ sở hữu. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 1.744 tỷ đồng tương ứng tăng 120%. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng.

NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG

134%

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức chính sách, quản lý



Trong niên độ vừa qua, công ty đã có những cải tiến vượt bậc về cơ cấu tổ chức thông qua hoạt động tái cơ cấu tổ chức hoạt động của công ty. Bằng việc loại bỏ các đơn vị, phòng ban không còn vai trò, chức năng, nhiệm vụ trên thực tế, thực hiện việc sáp nhập các đơn vị với nhau nhằm tinh gọn bộ máy tổ chức. Bên cạnh đó, bổ sung, mở rộng quy mô một số đơn vị đáp ứng nhu cầu định hướng phát triển của công ty, đặc biệt là liên quan đến hoạt động xuất khẩu, hoạt động công nghệ thông tin.

Về mảng chính sách, công ty đã tiến hành ban hành mới hàng loạt văn bản lập quy trên cơ sở chủ trương mới. Đồng thời tiến hành rà soát một cách toàn diện nhằm loại bỏ các Văn bản lập quy (VBLQ) không còn áp dụng trên thực tế, sửa đổi, bổ sung các VBLQ đã lỗi thời nhằm đáp ứng quy định mới của pháp luật, đảm bảo tính áp dụng của VBLQ trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

Về công tác quản lý, công ty tiếp tục tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, của CBNV trong công ty thông qua việc thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, lập kế hoạch đào tạo để các đơn vị triển khai áp dụng trên thực tế, nâng cao chất lượng tuyển dụng, đội ngũ nhân sự kế thừa. Đặc biệt, hoạt động quản lý được chú trọng thực hiện bằng biện pháp công nghệ thông tin dần thay thế cho hoạt động quản lý bằng giấy tờ, đảm bảo tính nhanh gọn, hiện đại, tiết kiệm và hiệu quả.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý này nhằm thực hiện mục tiêu “Hoàn thiện hệ thống – Nâng cao năng lực cạnh tranh – Mở rộng thị phần & Khẳng định thương hiệu, chất lượng dịch vụ”, từng bước đưa hoạt động của công ty phát triển theo hướng chuyên nghiệp, từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới.

Kế hoạch phát triển tương lai

- ▶ Doanh nghiệp dẫn đầu ngành mía đường tại Việt Nam.
- ▶ Phát triển bền vững (nông dân, doanh nghiệp, khách hàng và cộng đồng) đảm bảo hài hòa lợi ích vì cộng đồng phát triển địa phương.
- ▶ Nâng cao nội lực doanh nghiệp.
- ▶ Trách nhiệm với môi trường.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

**KẾT QUẢ TỔNG THỂ
CHO THẤY, NIÊN ĐỘ
2015-2016, LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ CỦA
CÔNG TY ĐẠT 296 TỶ
ĐỒNG, VƯỢT 35% SO
VỚI KẾ HOẠCH.**

Các hoạt động nổi bật
công ty đã đạt được
trong niên độ vừa qua
cụ thể như sau:

3.6.1

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Hoạt động Môi trường trong suốt những niên độ qua luôn được BHS chú trọng, duy trì và cải tiến liên tục nhằm hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu. BHS duy trì quản lý môi trường tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, chú trọng đầu tư áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của nhân viên và cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường. Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm điện, nước, nguyên nhiên liệu để đảm bảo hạn chế tối đa việc xử lý cuối đường ống, tiết kiệm tài nguyên vừa mang lại lợi ích cho Doanh nghiệp vừa mang lại lợi ích cho môi trường.

(Cụ thể xem thêm tại bảng trang 54)

3.6.2

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động luôn bằng và cao hơn quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho CBNV.

Công ty tổ chức Bộ phận Y tế phục vụ khám bệnh, cấp phát thuốc và sơ cứu cấp cứu, đồng thời thực hiện đầy đủ các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe của người lao động luôn được chăm sóc tốt nhất.

Công tác ATVSLĐ luôn được đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, thực hiện các chương trình đào tạo huấn luyện kèm cặp thực thể và hàng năm luôn thực hiện các chương trình đào tạo ATVSLĐ theo thông tư của Nhà nước, huấn luyện và diễn tập các chương trình PCCC.

Ngoài ra, Công ty tổ chức các chương trình du lịch nghỉ mát hàng năm để CBNV có kỳ nghỉ dưỡng dài giúp tái tạo sức lao động, phục vụ miễn phí cơm giữa ca và chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật.

MỤC TIÊU	NỘI DUNG THỰC HIỆN	PHÂN CÔNG THỰC HIỆN	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG			
Kiểm soát COD phát thải < 1,5 kgCOD/tấn đường thô	Thực hiện vệ sinh khô, hạn chế xịt rửa trong vệ sinh nhà xưởng. Kiểm soát các nguồn thải, kiểm soát xì chảy ở các bơm, thùng chứa, bơm.. Tuyên truyền nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm nước.	Nhà máy đường luyện thực hiện Phòng KTSX theo dõi và báo cáo.	COD phát thải cả niên độ là 0,81kg-COD/tấn đường thô.
Không vi phạm về công tác bảo vệ môi trường	Cập nhật và triển khai thực hiện các yêu cầu luật môi trường Quản lý nguồn thải đảm bảo không gây ô nhiễm. Đào tạo nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên, nhiên vật liệu.	Phòng KTSX thực hiện và báo cáo.	Không có vi phạm
II. TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG			
Giảm năng lượng tiêu hao hơi đốt	Đầu tư hệ thống nấu đường tự động, giúp giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, tăng năng suất nhà máy, nâng cao chất lượng đường.	Phòng KTSX	
Giảm tiêu hao hơi xuống 1 tấn hơi/tấn đường	Đầu tư bốc hơi đa hiệu nước đường trước khi nấu giúp giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, tăng năng suất nhà máy, làm giảm tiêu hao hơi xuống đến mức từ 1,3 tấn hơi/tấn đường xuống nhỏ hơn 1 tấn hơi /tấn đường, đạt chuẩn quốc tế.	Phòng KTSX	
Giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, giảm phát thải.	Đầu tư hệ thống ngưng tụ hơi thoát từ nồi nấu tái sử dụng, giúp giảm chi phí nước, giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, giảm phát thải.	Phòng KTSX	
Tiết kiệm được 10% năng lượng	Đầu tư lò hơi đốt than mới hiệu suất nhiệt cao thay cho lò cũ hiệu suất thấp, giúp giảm tiêu hao nhiên liệu than, giảm thiểu bụi phát thải ra môi trường.	Nhà máy Đường luyện, phòng KTSX và Ban Quản lý dự án	
Giảm chi phí vận hành, giảm ô nhiễm môi trường, giảm ô nhiễm đường nguyên liệu	Đầu tư hệ thống vận chuyển đường âm dưới kho, không dùng xe cơ giới, giúp giảm chi phí vận hành, giảm ô nhiễm MT, giảm ô nhiễm đường nguyên liệu	Phòng KTSX	

**BHS LUÔN THÚC ĐẨY
CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI
VÀ MONG MUỐN MANG
LẠI GIÁ TRỊ CHO CỘNG
ĐỒNG BẰNG CÁC HOẠT
ĐỘNG THIẾT THỰC**

3.6.3

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BHS luôn hướng đến mục tiêu trở thành đối tác đáng tin cậy với khách hàng và các cơ quan hữu quan, xây dựng và phát triển mối quan hệ bền vững và tôn trọng lẫn nhau. Trong niên độ qua, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, BHS luôn thúc đẩy các hoạt động xã hội và mong muốn mang lại giá trị cho cộng đồng bằng các hoạt động thiết thực và cụ thể:

- ▶ Ủng hộ hoạt động vì Hoàng Sa- Trường Sa thân yêu
- ▶ Tài trợ máy siêu âm xách tay cho chi hội bảo trợ bệnh nhân nghèo Minh Tâm
- ▶ Tài trợ cho chương trình thăm và tặng quà cho thương binh và gia đình chính sách nhân ngày 27/7/2016
- ▶ Hiện BHS đang nuôi dưỡng 05 mẹ VNAH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Tây Ninh
- ▶ Tài trợ chương trình “Về Nguồn” cho Đoàn đại biểu tỉnh Tây Ninh
- ▶ Ủng hộ xây 01 căn nhà tình nghĩa cho Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ Việt Nam
- ▶ Tài trợ xây 01 cây cầu tại huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre
- ▶ Công ty thực hiện chiến dịch “CBCNV TTC đồng hành cùng bà con nông dân ra quân diệt trừ sâu bệnh hại lúa”.
- ▶ CBCNV tích cực tham gia chương trình hiến máu tình nguyện “Những giọt máu hồng” do Hội chữ Thập đỏ tỉnh Đồng Nai tổ chức hàng năm với quy mô lớn.
- ▶ Phát động chương trình tặng quà tết Trung Thu cho trẻ em nghèo, vùng sâu vùng xa tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.



IV. ■

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01. Về các mặt hoạt động của công ty

02. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

03. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị niên độ 2016 - 2017

Về các mặt hoạt động của công ty

Niên độ 2015-2016 của công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm đang có dấu hiệu phục hồi, tốc độ tăng trưởng được đánh giá tăng cao hơn cùng kỳ các năm 2012-2014, nhưng có dấu hiệu chững lại so với tốc độ tăng 6,32% trong 6 tháng đầu năm 2015. Tuy nhiên tác động trực tiếp đến công tác sản xuất nông nghiệp là hiện tượng El Nino và tình trạng ngập mặn ở Miền Tây nên sản lượng và chất lượng mía của thế giới nói chung và của Việt Nam sụt giảm đáng kể.

Trong bối cảnh khó khăn đó, công tác chuẩn bị vào vụ của khối kỹ thuật các nhà máy, cộng với sự điều hành linh hoạt trong công tác nguyên liệu, đặc biệt là Nông Trường Thành Long với vai trò điều tiết về sản lượng cũng như góp phần giảm giá thành nguyên liệu là đóng góp không nhỏ cho hiệu quả toàn công ty của niên vụ, cùng với sự chuyển biến tích cực của Ban điều hành, sự nỗ lực không ngừng của cả đội ngũ cán bộ nhân viên, BHS đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được HĐQT công ty giao.

Niên độ 2015-2016 vừa qua, bên cạnh các mục tiêu kiểm soát tốt giá thành sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu bền vững, công ty đã tập trung mở rộng thị phần kinh doanh, đặc biệt là tăng mạnh thị phần kênh tiêu dùng trực tiếp, đây là một lĩnh vực cũ nếu hiểu theo tư duy cũ nhưng cũng rất mới theo tư duy và chiến lược công ty đang đi, thành công này đánh dấu một bước chuyển biến, chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển dài hơi đến năm 2020 của kênh tiêu dùng.



Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty.

Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời. Căn cứ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiệm vụ một cách khẩn trương và có những ứng phó linh hoạt, kịp thời để mang lại thành quả trong hoạt động kinh doanh, chứng minh được công ty là đơn vị dẫn đầu trong ngành mía đường Việt Nam. Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực cao của Ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực

- (i)** tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;
- (ii)** triển khai thực hiện các dự án đầu tư;
- (iii)** phát triển hệ thống sản phẩm và kênh phân phối;
- (iv)** hiệu chỉnh bộ máy tổ chức quản lý;
- (v)** chỉnh đốn quy trình, quy định trong mọi hoạt động.



Các kế hoạch định hướng của HĐQT niên độ 2016 - 2017

**KẾT QUẢ TỔNG THỂ
CHO THẤY, NIÊN ĐỘ
2015-2016, LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ CỦA
CÔNG TY ĐẠT 296 TỶ
ĐỒNG, VƯỢT 35% SO
VỚI KẾ HOẠCH.**

Các hoạt động nổi bật
công ty đã đạt được
trong niên độ vừa qua
cụ thể như sau:

3.2.1

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KINH DOANH

- ▶ Tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống bán lẻ sản phẩm trong phạm vi cả nước. Đặc biệt chú trọng tăng tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm thông qua kênh Tiểu thủ công nghiệp, khách hàng mới trong kênh công nghiệp và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- ▶ Đa dạng hóa các phương thức tiếp cận khách hàng đối với sản phẩm đường. Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng để khách hàng tin tưởng và gắn bó lâu dài với sản phẩm của Công ty.
- ▶ Nắm bắt nhanh tình hình đường trong nước và quốc tế, linh hoạt trong việc nhập đường nguyên liệu đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.
- ▶ Nâng cao công tác đánh giá thị trường và cần đề ra những chính sách kinh doanh – marketing để gia tăng thị phần kênh tiêu dùng trực tiếp.
- ▶ Tập trung nghiên cứu sản phẩm mới và tung sản phẩm mới theo đúng lộ trình.

3.2.3

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

- ▶ Đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu thông qua chương trình sở hữu đất và thuê đất dài hạn để sản xuất mía.
- ▶ Đầu tư hệ thống tưới cho 100% diện tích mía tại Nông trường. Xây dựng NTTL thành mô hình nông trường kiểu mẫu để tăng cường công tác khuyến nông.
- ▶ Tiếp tục đẩy mạnh công tác đầu tư tưới mía, dịch vụ cơ giới hóa cày sâu cho vùng không tưới, quy hoạch lại đồng ruộng hiện có và đầu tư máy thu hoạch mía.
- ▶ Tăng chất lượng mía, kiểm soát tốt công tác thu hoạch. Kiểm tra tính tuân thủ quy chuẩn thu hoạch mía nhằm giảm tạp chất, tăng chữ đường trong mía.
- ▶ Kiện toàn và thống nhất hệ thống quản lý công tác đầu tư và thu mua nguyên liệu.



3.2.3

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC SẢN XUẤT

- ▶ Hoàn thiện các kế hoạch đầu tư tài sản cố định và tiếp tục cải tiến kỹ thuật, khắc phục những hạn chế gây tổn thất trong vụ 15/16.
- ▶ Triển khai nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới theo định hướng chiến lược đã đề ra.
- ▶ Quy hoạch và xây dựng khu đóng túi tập trung tại Biên Hòa.
- ▶ Hoàn thiện hệ thống quản lý bảo trì.
- ▶ Triển khai thực hiện các đề xuất Kiểm toán năng lượng để giảm tiêu hao hơi – điện.
- ▶ Hoàn thiện Quy chế đầu tư, các qui trình triển khai dự án tổ chức đánh giá công tác quản lý dự án định kỳ.
- ▶ Đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án trọng điểm đã được phê duyệt. Tiếp tục triển khai các dự án: nâng công suất luyện đường tại NHS, dự án Easup, dự án Chưprong.
- ▶ Tập trung công tác thu hồi, xử lý khói thải và nâng cao hệ số an toàn thiết bị.

3.2.3

ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TÁC KHÁC

- ▶ Công tác Nhân sự: Tập trung cho công tác đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị đội ngũ nhân lực kế thừa. Hoàn thiện các công cụ quản lý nhân sự, hệ thống chính sách chế độ cho người lao động.
- ▶ Chuẩn hóa quy trình hoạt động của công ty NHS, PRS và BHS Trading theo mô hình hoạt động chung của BHS.
- ▶ Hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy nhằm đảm bảo hệ thống văn bản lập quy được rà soát và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu thực tế và mang tính thống nhất trong toàn Công ty sau khi sáp nhập với NHS và PRS.
- ▶ Công nghệ thông tin: thực hiện nâng cấp chuẩn hạ tầng công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn mới và đẩy nhanh công tác triển khai các dự án công nghệ thông tin ERP, FRM nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị và điều hành trong thời kỳ mới.
- ▶ Quản lý chất lượng sản phẩm: tăng cường kiểm soát tỷ lệ sản phẩm không phù hợp trong sản xuất và tiêu thụ tại BHS và NHS. Hạn chế tình trạng khách hàng trả hàng gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của BHS.
- ▶ Tài chính – kế toán: tăng cường công tác kế toán quản trị để nâng cao chất lượng tham mưu cho Ban lãnh đạo. Từng bước hoàn thiện chất lượng báo cáo của các công ty NHS, PRS theo quy chuẩn chung của BHS. Tái cơ cấu tài chính nhằm sử dụng hiệu quả - an toàn nguồn vốn công ty.

NIỀM TIN SONG HÀNH

Trong suốt nhiều năm qua, chúng tôi luôn ý thức được rằng chỉ tạo ra những sản phẩm tốt là chưa đủ. Nghiêm túc lắng nghe và nỗ lực từng ngày để thấu hiểu khách hàng, chúng tôi luôn không ngừng nghiên cứu cải tiến để có thể khai thác thêm các sản phẩm thuộc chuỗi giá trị ngành đường, cung cấp nhiều sự lựa chọn cũng như đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng của thị trường. 19 năm qua, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn người tiêu dùng đã tín nhiệm và bình chọn sản phẩm Đường Biên Hòa danh hiệu: “Hàng Việt Nam chất lượng cao” danh giá.





QUẢN TRỊ
CÔNG TY

01. Hội đồng quản trị

02. Ban Kiểm soát

03. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS

Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN NẪM TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CHO TỪNG THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

5.1.1 CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban nằm trong Hội đồng Quản trị mà phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng thành viên trong Hội đồng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đối với các công việc quan trọng, cần nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng quản trị sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng/ Ban.

Trong niên độ vừa qua, có các Hội đồng/ Ban sau đã hoạt động:

HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ

Thay mặt Hội đồng Quản trị xem xét và quyết định các vấn đề đầu tư của Công ty có giá trị dưới 30% tổng tài sản theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất và Hội đồng đầu tư thực hiện theo Quy chế đầu tư của Công ty.

HỘI ĐỒNG CHỌN THẦU

Thay mặt Hội đồng Quản trị xem xét, chọn thầu để thi công các hạng mục theo kế hoạch đầu tư đã được duyệt.

HỘI ĐỒNG XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG & KỶ LUẬT

Chủ tịch HĐQT cùng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và Ban Tổng Giám đốc xem xét vấn đề thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty và đối với các cấp quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Ban triển khai sáp nhập công ty CP Đường Biên Hòa và công ty CP Đường Ninh Hòa theo phương án được sáp nhập được Đại hội đồng cổ đông 2 công ty thông qua trong kỳ đại hội gần nhất.



5.1.2 THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ
Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đường Biên Hòa Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Đường BH - Ninh Hòa Thành viên HĐQT Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	500.496	0,386%
Trần Quế Trang	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Đường BH - Ninh Hòa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa – Phan Rang Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa Thành viên HĐQT Công ty CP Mía đường Tây Ninh	522.400	0,403%
Lê Quang Hải	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	304.500	0,234%
Võ Tòng Xuân	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	0	0%
Henry Chung	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa	159.900	0,012%

5.1.3

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong niên độ 2015– 2016 (từ ngày 01/7/2015 – 30/6/2016), Hội đồng quản trị đã tiến hành

Số cuộc họp thường kỳ: 03 lần (ngày 9/11/2015, 30/01/2016, 25/4/2016)

Số cuộc họp đột xuất: 29 lần

THỜI GIAN	NỘI DUNG
15/9/2015	v/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN TP.HCM
30/10/2015	v/v thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty.
6/11/2015	v/v thông qua việc chuyển đổi loại hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa từ loại hình Công ty Cổ phần thành Công ty TNHH Một thành viên;
9/11/2015	v/v thông qua việc bổ nhiệm ông Trầm Kim Dũng giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa
10/11/2015	v/v Tham gia nhà đầu tư chiến lược với Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh.
13/11/2015	v/v Thông qua việc chấm dứt hoạt động chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa tại thành phố Đà Nẵng
16/11/2015	v/v thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2014 – 2015
23/11/2015	v/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – CN TP.HCM
27/11/2015	v/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai
28/11/2015	v/v phê duyệt Báo cáo kiểm toán biến động vốn cổ phần và biến động thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ 01/07/2015 đến 31/10/2015
04/12/2015	v/v Phê duyệt tạm ứng cổ tức niên độ 2014-2015 bằng tiền mặt
10/12/2015	v/v vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM
11/12/2015	v/v thông qua Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2014 – 2015.
08/01/2016	v/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP.HCM

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08/01/2016	v/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN TP.HCM
16/01/2016	v/v Thông qua việc sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi giai đoạn từ 01/01/2016 - 30/06/2016
01/02/2016	v/v vay vốn tại Ngân hàng VIB
17/02/2016	v/v vay vốn tại Ngân hàng Maybank
14/03/2016	v/v phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động
22/03/2016	v/v vay vốn trung, dài hạn tại Ngân hàng OCB
06/4/2016	v/v phê duyệt việc vay vốn tại Ngân hàng BPCE
22/4/2016	v/v phê duyệt vay vốn tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam
10/5/2016	v/v phê duyệt vay vốn tại Ngân hàng Sinopac
18/5/2016	v/v Thông qua việc phát hành trái phiếu và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu
18/5/2016	v/v thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TNHH Indovina
14/6/2016	v/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai
16/6/2016	v/v thông qua kết quả đăng ký, phương án xử lý cổ phần chưa đăng ký mua hết theo chương trình lựa chọn cho người lao động cho công ty
20/6/2016	v/v Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2015-2016
29/6/2016	v/v thay đổi ngày đăng ký cuối cùng tổ chức ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2015-2016

5.1.3

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Số lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản: 45 lần.

LẦN	NỘI DUNG
1	Chấp thuận giá chuyển nhượng 17 hạng mục phát sinh ngoài Hợp đồng kinh tế số 0306/2015/HĐKT – BHS – NHS ngày 03/06/2015 cho Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 21/07/2015 đến ngày 24/07/2015
2	Thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phiếu với NHS, ban hành Điều lệ công ty và hợp đồng sáp nhập, thời gian lấy ý kiến từ ngày 24/07/2015 đến 27/07/2015
3	Thông qua việc ký hợp đồng ký tư vấn với Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia, thời gian lấy ý kiến từ 01/07/2015 đến 03/07/2015
4	Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty ngày 31/07/2015, thời gian lấy ý kiến từ 03/08/2015 đến 05/08/2015
5	Thông qua Báo cáo tài chính và tài chính hợp nhất giai đoạn từ 01/04/2015 - 30/06/2015, thời gian lấy ý kiến từ 11/8/2015 đến 14/8/2015
6	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP nghiên cứu ứng dụng Mía đường Thành Thành Công và đề cử ông Nguyễn Quốc Việt giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công kể từ ngày 14/9/2015, thời gian lấy ý kiến từ 10/9/2015 đến 14/9/2015
7	Phê duyệt việc từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị của Lê Văn Dĩnh từ ngày 14/9/2015, thông qua việc đề cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Quốc Việt kể từ ngày 14/9/2015 và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách NMĐ Biên Hòa Tây Ninh và NMĐ Biên Hòa Trị An kể từ ngày 15/9/2015, thời gian lấy ý kiến từ 10/9/2015 đến 14/9/2015
8	Thông qua việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2014-2015, thời gian lấy ý kiến từ 15/9/2015 đến 18/9/2015
9	Thông qua phê duyệt đầu tư mở rộng diện tích vùng nguyên liệu xung quanh khu vực NTTL và Hải Vĩ, thời gian lấy ý kiến từ ngày 17/9/2015 đến 21/9/2015
10	Thông qua việc cho phép Tổng Giám đốc được quyền ký thư bảo lãnh cho T&M mua hàng trả chậm tại Bunge, thời gian lấy ý kiến từ ngày 17/9/2015 đến 21/9/2015

LẦN	NỘI DUNG
11	Thông qua phê duyệt Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất niên độ 2014-2015 (01/07/2014 - 30/06/2015), thời gian lấy ý kiến từ ngày 21/9/2015 đến ngày 27/9/2015
12	Phê duyệt dự thảo Ban hành Hệ thống phân định quyền hạn và ủy quyền ký kết văn bản và phân công công việc cho thành viên Ban điều hành, thời gian lấy ý kiến từ ngày 08/10/2015 đến 12/10/2015
13	Phê duyệt việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, thời gian lấy ý kiến từ 19/10/2015 đến 22/10/2015
14	Phê duyệt việc sử dụng số dư tiền gửi tài khoản cho Công ty Cổ phần Khai thác và quản lý Đặng Huỳnh vay vốn, thời gian lấy ý kiến từ 8h00 ngày 29/10/2015 đến 12h00 ngày 29/10/2015
15	Thông qua việc mua đường sản xuất tại Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 02/11/2015 đến 05/11/2015
16	Lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán vốn cho phần phát hành thêm theo phương án phát hành đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước thông qua tại giấy chứng nhận số 70/GCN-UB-CK ngày 16/9/2015 vv chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi, thời gian lấy ý kiến từ ngày 9/11/2015 đến 12/11/2015
17	Thông qua phê duyệt Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ ngày 01/07/2015 - 30/9/2015, thời gian lấy ý kiến từ ngày 10/11/2015 đến 13/11/2015.
18	Thông qua việc mua đường thô nguyên liệu nhập khẩu 2016-2017, thời gian lấy ý kiến từ ngày 02/12/2015 đến 08/12/2015
19	Thông qua Phê duyệt phương án đầu tư mua bất động sản và cho thuê tại Biên Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 7/12/2015 đến 10/12/2015
20	Thông qua việc phê duyệt chủ trương triển khai lập báo cáo tiền khả thi dự án nông công suất phân xưởng đường luyện, thời gian lấy ý kiến từ ngày 7/12/2015 đến 10/12/2015
21	Phê duyệt bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa Ninh Hòa tại Ngân hàng HSBC; VCB; PVcombank và dùng cổ phiếu PRS mà BHS đang sở hữu thế chấp BIDV để đảm bảo hạn mức tín dụng cho Công ty Đường Biên Hòa Ninh Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 10/12/2015 đến 14/12/2015

5.1.3

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LẦN	NỘI DUNG
22	Thông qua việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tân Kim, thời gian lấy ý kiến từ ngày 14/12/2015 đến 16/12/2015
23	Thông qua Phê duyệt chủ trương lập báo cáo tiền khả thi “Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Đường Biên Hòa – Chư Prông”, thời gian lấy ý kiến từ ngày 15/12/2015 đến 17/12/2015
24	Thông qua phê duyệt chuyển nhượng chứng khoán Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (STE), thời gian lấy ý kiến từ ngày 30/12/2015 – 02/01/2016
25	Phê duyệt sử dụng số dư tiền gửi tại tài khoản để cho Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh vay, thời gian lấy ý kiến từ ngày 05/01/2016 đến 08/01/2016
26	Phê duyệt chuyển nhượng 2 máy kéo John Deere 6155J tại NTTL cho Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 05/01/2016 đến 08/01/2016
27	Mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty CP Mía đường Sơn Dương với tỷ lệ 1:1, thời gian lấy ý kiến từ ngày 05/01/2016 đến 08/01/2016
28	Thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng NMĐ Biên Hòa - Chư Prong, thời gian lấy ý kiến từ ngày 11/01/2016 – 13/01/2016
29	Thành lập Hội đồng đầu tư và Hội đồng Chọn thầu CTCP Đường Biên Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 11/01/2016 – 13/01/2016
30	Lựa chọn công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2015-2016 của Công ty, thời gian lấy ý kiến từ ngày 25/01/2016 – 27/01/2016
31	Cử bà Trần Quế Trang là người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa tại Công ty CP Mía đường Tây Ninh, thời gian lấy ý kiến từ ngày 03/02/2016 – 05/02/2016
32	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ 2014-2015, các chỉ tiêu kế hoạch & phân phối lợi nhuận 2015-2016, thù lao HĐQT, KSV niên độ 15-16 tại Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 05/03/2016 – 07/03/2016
33	Phê duyệt sử dụng số dư tiền gửi tại tài khoản để cho Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh vay, thời gian lấy ý kiến từ ngày 05/03/2016 – 07/03/2016

LẦN	NỘI DUNG
34	Phê duyệt các chủ trương thực hiện các dự án đầu tư, thời gian thực hiện dự án từ ngày 09/03/2016 – 12/03/2016
35	Ban hành Điều lệ Công ty theo nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty tại ĐHĐCĐ ngày 28/12/2015, thời gian lấy ý kiến từ ngày 16/3/2016 – 18/3/2016
36	Thành lập Công ty CP Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 17/3/2016 – 19/03/2016
37	Phê duyệt sử dụng số dư tiền gửi tại tài khoản để cho Công ty Cổ phần TM Thành Thành Công vay, thời gian lấy ý kiến từ ngày 25/3/2016 – 28/3/2016
38	Phân công, phân nhiệm các thành viên trong Hội đồng quản trị, thời gian lấy ý kiến từ ngày 25/3/2016 – 29/3/2016
39	Phê duyệt trả nợ trước hạn khoản vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Đồng Nai, thời gian lấy ý kiến từ ngày 06/4/2016 – 08/4/2016
40	Đề cử Bà Trần Quế Trang tham gia thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang từ ngày 05/05/2016, thời gian lấy ý kiến từ ngày 23/4/2016 – 25/4/2016
41	Đề cử Ông Nguyễn Hữu Thanh tham gia thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương từ ngày 18/05/2016, thời gian lấy ý kiến từ ngày 13/5/2016 – 16/5/2016
42	Thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động trong công ty, thời gian lấy ý kiến từ ngày 13/6/2016 - 15/6/2016
43	Lựa chọn công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán vốn cho phần cổ phiếu phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, thời gian lấy ý kiến từ ngày 17/6/2016 – 21/6/2016
44	Phê duyệt bán sản phẩm đường các loại cho Công ty CP Thương mại XNK Biên Hòa, thời gian lấy ý kiến từ ngày 28/6/2016 – 30/6/2016
45	Phê duyệt đầu tư chiến lược Công ty CP Mía đường Tây Ninh, thời gian lấy ý kiến từ ngày 28/6/2016 – 30/6/2016

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Sự tham dự của các thành viên trong Hội đồng quản trị

THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT	TỶ LỆ THAM DỰ	SỐ LẦN LẤY Ý KIẾN	TỶ LỆ THAM DỰ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch	29	100%	45	100%	
Phạm Hồng Dương	Thành viên	13	45%	23	51%	Ông Dương bắt đầu thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2013 đến 28/12/2015.
Lê Ngọc Thông	Thành viên	13	45%	23	51%	Ông Thông bắt đầu tham gia vào HĐQT từ ngày 26/06/2015 và ĐHĐCĐ thông qua từ nhiệm ngày 28/12/2015.
Lê Văn Dĩnh	Thành viên	-	-	6	13%	Ông Dĩnh bắt đầu là thành viên HĐQT từ ngày 26/06/2015 và từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 14/09/2015.
Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	13	45%	23	51%	Ông Việt bắt đầu tham gia vào HĐQT từ ngày 14/9/2015 và ĐHĐCĐ thông qua từ nhiệm ngày 28/12/2015
Trần Quế Trang	Thành viên	17	93%	44	98%	Bà Trần Quế Trang ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Hoa thay mặt biểu quyết 2 cuộc họp từ ngày 12/05 – 27/05/2016
Lê Quang Hải	Thành viên	16	55%	22	49%	Ông Hải bắt đầu tham gia vào HĐQT từ ngày 28/12/2015 nên chỉ tham gia lấy ý kiến từ thời điểm 28/12/2015.
Võ Tòng Xuân	Thành viên	16	55%	22	49%	Ông Xuân bắt đầu tham gia vào HĐQT từ ngày 28/12/2015 nên chỉ tham gia lấy ý kiến từ thời điểm 28/12/2015.
Henry Chung	Thành viên	16	55%	22	49%	Ông Chung bắt đầu tham gia vào HĐQT từ ngày 28/12/2015 nên chỉ tham gia lấy ý kiến từ thời điểm 28/12/2015.



5.1.4

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong niên độ 2015 - 2016, HĐQT đặt trọng tâm các công tác sau:

- ▶ Tái cấu trúc Công ty: thay đổi Sơ đồ tổ chức, tinh gọn bộ máy. Hoàn chỉnh hệ thống văn bản lập quy. Rà soát, sắp xếp lại nhân sự cấp quản lý (thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị) nhằm dùng người đúng việc, đúng sở trường.
- ▶ Hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong Công ty theo nội dung được Đại hội cổ đông đồng thuận trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2014-2015 tổ chức ngày 28/12/2015, tăng vốn điều lệ công ty từ 1.233.439.980.000 đồng lên 1.295.111.980.000 đồng.
- ▶ Tìm kiếm cơ hội mở rộng quy mô hoạt động, giảm giá thành sản phẩm.
- ▶ Tăng cường cơ chế kiểm tra, kiểm soát.
- ▶ Công bố thông tin kịp thời, rõ ràng, minh bạch đến các nhà đầu tư.
- ▶ Tiếp tục công tác phê duyệt chọn thầu thi công các hạng mục còn lại thuộc các dự án. Tập trung công tác quản lý dự án.
- ▶ Tiếp tục khảo sát, nghiên cứu dự án phát triển nhà máy tại huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.
- ▶ Khảo sát, nghiên cứu dự án phát triển nhà máy tại huyện Chư Prong, tỉnh Gia Lai.

5.1.5

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị phân công cho ông Lê Quang Hải và ông Henry Chung – Thành viên Hội đồng Quản trị giữ vai trò thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Trong niên độ 2015-2016, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY
17/06/2016

1.295.111.980.000
ĐỒNG

Ban kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT (BKS) DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ) BẦU RA ĐỂ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU LỆ CÔNG TY CP ĐƯỜNG BIÊN HÒA (BHS).

CÁC THÀNH VIÊN BKS TRONG NIÊN ĐỘ 2015 – 2016 BAO GỒM:



HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TỪ NHIỆM	SỐ CỔ PHẦN ĐANG NẮM GIỮ VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU
Lê Văn Hòa	Trưởng Ban	Kể từ ngày 01/6/2016	70.000 cổ phiếu
Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	Kể từ ngày 28/12/2015	Không có
Lê Quốc Phong	Thành viên	Từ ngày 26/6/2015 – 01/6/2016	48.900 cổ phiếu
Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên	Kể từ ngày 15/8/2016	Không có
Phạm Trung Kiên	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 28/12/2015	Không có



5.2.1

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Tháng 7/2015 - tháng 9/2015	Phân công nhiệm vụ cho các TV.BKS mới được đề cử trong ĐHĐCĐ bất thường niên độ 2014-2015. Thực hiện kiểm tra kiểm soát hoạt động của các Đơn vị theo đúng quy định Công ty. Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính quý IV và báo cáo tài chính niên độ 2014-2015. Thông qua kết quả hoạt động quý I niên độ 2015 - 2016 của Phòng Kiểm soát nội bộ.
Tháng 10/2015 - tháng 12/2015	Phân công nhiệm vụ cho các TV.BKS mới được đề cử trong ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2014-2015. Thực hiện kiểm tra kiểm soát hoạt động của các Đơn vị theo đúng quy định Công ty. Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính quý I niên độ 2015-2016. Thông qua kết quả hoạt động quý II niên độ 2015 - 2016 của Phòng Kiểm soát nội bộ.
Tháng 01/2016 - 3/2016	Thực hiện kiểm tra kiểm soát hoạt động của các Đơn vị theo đúng quy định Công ty. Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính quý II niên độ 2015-2016. Thông qua kết quả hoạt động quý III niên độ 2015 - 2016 của Phòng Kiểm soát nội bộ.
Tháng 4/2016 - 6/2016	Phân công nhiệm vụ cho các TV.BKS khi thay đổi Trưởng Ban kiểm soát. Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính quý III niên độ 2015 - 2016. Thực hiện kiểm tra kiểm soát hoạt động của các Đơn vị theo đúng quy định Công ty. Thông qua kết quả hoạt động quý IV niên độ 2015 - 2016 của Phòng Kiểm soát nội bộ.

Các thành viên trong BKS đều thống nhất ý kiến trong các cuộc họp.

5.2.1

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

CÁC MỤC TIÊU TRỌNG TÂM ĐẠT ĐƯỢC TRONG NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Thực hiện kiểm soát toàn bộ các hoạt động cũng như việc thực hiện các Quy chế, Quy trình của Công ty. Từ đó, Ban Kiểm Soát đã chỉ đạo và cùng P.KSNB của các Công ty thực hiện và hoàn thành các mục tiêu trọng tâm như:

- ▶ Thực hiện vai trò tiền kiểm, tham gia trong việc xây dựng hệ thống Văn bản lập quy và các cơ chế kiểm tra, kiểm soát.
- ▶ Kiểm tra kiểm soát hoạt động các phòng ban/chi nhánh và các Công ty trực thuộc. Qua đó, đưa ra các kiến nghị và giám sát việc thực hiện các giải pháp để chỉnh sửa, khắc phục các sai sót, hạn chế rủi ro.
- ▶ Hỗ trợ tham mưu thiết lập công cụ quản lý đối với tất cả các hoạt động của phòng/ban, Nhà máy, Nông trường.
- ▶ Kiểm tra thẩm định tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 14 - 15 và giữa niên độ 15 -16.
- ▶ Nghiên cứu, phân tích về môi trường hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn để kiến nghị các giải pháp chủ động kiểm soát.

5.2.2

BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA BKS

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NIÊN ĐỘ 2014-2015

Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 28/12/2015, bao gồm:

- ▶ Chi trả cổ tức với tỷ lệ 05% bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 8/1/2016: đã thực hiện
- ▶ Kết quả kinh doanh niên độ 2015 - 2016 đạt: Lợi nhuận trước thuế đạt 296 tỷ, đạt 135% so với kế hoạch.
- ▶ Phân phối lợi nhuận: Thực hiện đầy đủ việc trích lập các Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- ▶ Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: Thực hiện theo đúng mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NIÊN ĐỘ 2014-2015

BKS đánh giá công tác kiểm soát đã đồng hành cùng hoạt động quản trị và điều hành, tương tác/phối hợp tốt với HĐQT và BTGD. Các khuyến nghị của BKS và Phòng Kiểm soát nội bộ đã được ghi nhận và thống nhất chỉnh sửa để nâng cao hiệu quả quản lý.



LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ ĐẠT

296 tỷ

ĐẠT 135% SO VỚI KẾ HOẠCH

5.2.3

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

Thực hiện tuân thủ quy chuẩn thu hoạch của Đầu công đồng thời cần có giải pháp để giảm tỷ lệ tạp chất, giúp nâng cao tỷ lệ thu hồi trong vụ 16 - 17.

- ▶ Hiệu chỉnh lại chính sách thưởng cho các trường hợp tuân thủ tốt quy chuẩn thu hoạch. Chính sách thưởng nên dựa vào kết quả kiểm tra của Tiểu ban KSNL và hướng đến đối tượng là khách hàng và công đồn chặt. Đồng thời, ngoài việc thưởng theo chính sách nêu trên, cần thực hiện thưởng nóng ngay tại ruộng đối với các công thực hiện tốt, ưu tiên thưởng bằng sản phẩm của Công ty.
- ▶ Xây dựng giải pháp, phương pháp đo xác định tỷ lệ tạp chất phù hợp, cho thấy kết quả tương đồng giữa tỷ lệ tạp chất thực tế đo tại Nhà máy so với nỗ lực thực hiện, đánh giá cảm quan tại ruộng của Đầu công/ chủ mía, để họ thấy được hiệu quả, dẫn đến tự giám sát, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm soát.

Về việc nâng cao năng suất ruộng mía:

- ▶ Nhà máy đặt mục tiêu cụ thể theo từng vùng, từng trạm, từng khách hàng, tùy vào điều kiện đất đai, nguồn nước và điều kiện áp dụng cơ giới hóa, thâm canh.
- ▶ Hiệu chỉnh quy trình trồng và chăm sóc mía theo hướng thâm canh tăng năng suất như Đường Nước Trong đang áp dụng, năng suất mía 100T/ha trong điều kiện có tưới.
- ▶ Nông trường Biên Hòa - Thành Long cũng nghiên cứu và hiệu chỉnh quy trình đang thực hiện để tăng năng suất như trên.

ĐỐI VỚI KHỐI KTSX

Cần giám sát và hỗ trợ các Nhà máy theo quản lý ngành dọc:

- ▶ Khối KTSX cần giám sát và hỗ trợ các Nhà máy trong công tác SCL và thực hiện các dự án cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của máy móc thiết bị, công nghệ hiện tại, cũng như đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ nhân viên nhằm đạt các chỉ tiêu công nghệ và chất lượng SP.



ĐỐI VỚI KHỐI TÀI CHÍNH

Đối với các khoản công nợ quá hạn đã lâu chưa hoàn tất xử lý, Khối tài chính rà soát lại và tìm hiểu nguyên nhân, đối chiếu lại với khách hàng/ đơn vị có liên quan để thu hồi dứt điểm hoặc trình phương án xử lý phù hợp.

ĐỐI VỚI KHỐI KINH DOANH/BHS TRADING

Khối Kinh doanh đã phối hợp các Phòng ban chức năng để hoàn thiện dần hệ thống quản lý. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro ảnh hưởng do việc mở rộng nhanh, Khối kinh doanh cần hoàn thiện: Bổ sung kịp thời số lượng nhân viên bán hàng tại NPP. Ngoài ra, Khối Kinh doanh quan tâm xây dựng cơ chế quản trị - điều hành - kiểm soát kịp thời với quá trình phát triển.

ĐỐI VỚI KHỐI HỖ TRỢ

- ▶ Chủ trì trong việc chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, ghép lô, chưa sang tên, đất bị người dân lấn chiếm, diện tích bị thiếu và cắm mốc ranh giới đất, đất cần chuyển nhượng tại 3 đơn vị: NT Thành Long, hai Nhà máy và BH - ĐN.
- ▶ Xây dựng lộ trình điều chuyển nhân viên mua hàng phù hợp.
- ▶ Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu BHS tại các Trạm Nông vụ của 2 Nhà máy và toàn Công ty.
- ▶ Công tác phối hợp ngành dọc giữa Khối HT tại Công ty và 2 Nhà máy, NTTL vẫn chưa thực sự hiệu quả, chất lượng dịch vụ hỗ trợ còn nhiều khác biệt. Nhân sự phụ trách công tác hỗ trợ tại 2 Nhà máy hiện đã sắp đến tuổi nghỉ hưu, không có đội ngũ kế thừa.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BanTGD và BKS



5.3.1

THÙ LAO, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Trong niên độ 2015-2016, Công ty đã chi tổng lương thưởng cho các Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD là 5.181.869.084 đồng và chi tổng thù lao là 1.121.375.000 đồng. Tổng cộng là 6.303.244.084 đồng.

TỔNG CHI LƯƠNG, THƯỞNG

6.303.244.084 ĐỒNG



5.3.2

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH LỚN VỚI CÔNG TY CON

TÊN TỐI TÁC	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	142/2015/HĐKT-BHS-NHS	19/11/2015
	2001/2016/HĐKT-BHS-NHS	20/01/2016
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	10/2015-2016/NL/ĐBH	18/03/2016
	15/2015-2016/NL/ĐBH	20/06/2016
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang	2411/2015/HĐKT-BHS-PRS.	24/11/2015
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang	2112/2015/HĐKT-BHS-PRS.	21/12/2015

5.3.3

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2001 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2006. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất và kinh doanh đường, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị Công ty.

5.3.4

CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ	
		SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
I. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	145.696	0.001%
Lê Quang Hải	Thành viên HĐQT	4	0%
Henry Chung	Thàn viên HĐQT	0	0%
Trần Quế Trang	Thành viên HĐQT	0	0%
II. BAN KIỂM SOÁT			
Lê Văn Hòa	Trưởng BKS	49.001	0,04%
III. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			
Nguyễn Quốc Việt	Phó TGD (đến ngày 15/9/2015)	12	0%
Nguyễn Phong Phú	Em	0	0%
		4.800	0.00762%
Nguyễn Thành Khiêm	Phó TGD phụ trách khối KTSX	0	0%
Trần Quốc Thảo	Phó TGD phụ trách khối Tài chính	0	0%
IV. KẾ TOÁN TRƯỞNG			
Nguyễn Minh Tín	Kế toán trưởng	0	0%
V. CỔ ĐÔNG LỚN			
Đặng Huỳnh Ước My	Cổ đông lớn	11.548.644	9.36%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bà Nguyễn Thùy Vân là Trưởng BKS	34.096.988	27.64%
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công	Bà Nguyễn Thùy Vân là Trưởng BKS	20.931.820	16,97%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Ông Nguyễn Thành Khiêm là PTGD	0	0%
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	Cổ đông lớn	10.085.372	8,18%

SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ	
500.496	0,386%	Mua 354.800 CP ESOP
304.504	0,234%	Mua 304.500 CP ESOP
159.900	0,123%	Mua 159.900 CP ESOP
522.400	0,403%	Mua 522.400 CP ESOP
119.001	0,092%	Mua 70.000 CP ESOP
12	0%	
4.800	0.00762%	Đăng ký mua thành công 4.800 CP từ ngày 28/7/2015 đến 24/08/2015
0	0%	Thực hiện bán thành công 4.800 CP ngày 13/10/2015
104.400	0,081%	Mua 104.400 CP ESOP
76.700	0,059%	Mua 76.700 CP ESOP
48.900	0.03%	Mua 48.900 CP ESOP
5.993.914	4,86%	Giảm do bán theo nhu cầu tài chính cá nhân
29.096.988	23,59%	Tỷ lệ sở hữu giảm do cơ cấu lại danh mục đầu tư
0	0%	Tỷ lệ sở hữu giảm do bán cổ phiếu (chốt đến ngày 15/07/2016)
1.000.000	0,77%	Đầu tư
11.015.372	8,51%	Đầu tư



Bien Hoa
DAILY

Đường sạch - Vì sức khỏe cộng đồng

ĐƯỜNG TRẮNG
CAO CẤP

100%



CHẤT LƯỢNG KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU

Qua hành trình gần 50 năm nỗ lực không ngừng nghỉ, BHS hiện đang là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực mía đường của cả nước, đem đến những sản phẩm sạch tốt cho sức khỏe và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng. Với phương châm “Chất lượng làm nên thương hiệu, sản phẩm sạch vì sức khỏe cộng đồng”, chúng tôi cam kết tiếp tục phát huy tiềm lực, khai thác triệt để thế mạnh, nâng cao giá trị gia tăng, giữ vững mục tiêu mọi sản phẩm đến tay người tiêu dùng đều là sản phẩm hoàn hảo nhất.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT CHO NĂM
KẾT THÚC NGÀY 30/06/2016**

01. Thông tin về công ty

02. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

03. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

04. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

05. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Báo cáo kiểm toán độc lập

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 9 năm 2016, được trình bày từ trang 111 đến trang 175

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với các kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-110-1




Hà Vũ Đình
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2013-007-1
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2016

Thông tin về công ty

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP SỐ	44/2001/QĐ-TTG	NGÀY 27 THÁNG 3 NĂM 2001
Giấy Chứng nhận	3600495818	ngày 16 tháng 5 năm 2001
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 8 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.		
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên
	Ông Henry Chung	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Quang Hải	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 09 năm 2015)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên (từ ngày 14 tháng 09 năm 2015) đến ngày 28 tháng 12 năm 2015
	Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ban Tổng Giám đốc	Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2016)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)

Ban Kiểm soát	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016) Thành viên (đến ngày 1 tháng 6 năm 2016)
	Ông Phạm Trung Kiên	Trưởng ban (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 8 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Quốc Phong	Trưởng ban (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 5 năm 2016) Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015) (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016 đến ngày 15 tháng 7 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 - Phường An Bình - Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

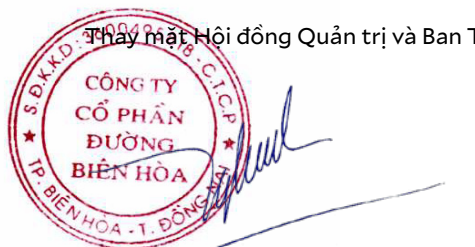
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 78 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bà Trần Quế Trang
TỔNG GIÁM ĐỐC

Tỉnh Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

► Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số
202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ Tài chính)

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.746.795.399.037	1.618.679.896.705
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	519.674.944.557	39.259.307.816
Tiền	111		437.074.944.557	10.059.307.816
Các khoản tương đương tiền	112		82.600.000.000	29.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	131.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		131.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.622.611.542.866	855.773.067.128
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	532.514.083.594	397.188.652.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	500.867.125.679	377.346.149.810
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	425.300.000.000	77.921.461.456
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	182.270.312.615	13.791.619.557
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(18.339.979.022)	(13.047.162.287)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.572.346.072
Hàng tồn kho	140	14	1.412.244.897.765	702.566.926.494
Tài sản ngắn hạn khác	150		61.264.013.849	16.080.595.267
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	28.622.898.022	13.690.059.755
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.345.134.879	1.470.058.841
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26(b)	1.295.980.948	920.476.671
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)			2.226.192.392.980	810.915.117.101
Các khoản phải thu dài hạn	210		191.701.675.824	17.648.398.812
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	19.747.297.824	17.648.398.812
Phải thu về cho vay dài hạn	215		165.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	11	6.954.378.000	10.000.000

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)			2.226.192.392.980	810.915.117.101
Các khoản phải thu dài hạn	210		191.701.675.824	17.648.398.812
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	19.747.297.824	17.648.398.812
Phải thu về cho vay dài hạn	215		165.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	11	6.954.378.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		1.368.449.713.470	571.741.287.404
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.284.812.433.183	563.227.862.981
<i>Nguyên giá</i>	222		1.851.015.238.005	1.033.607.268.916
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(566.202.804.822)	(470.379.405.935)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	63.692.309.778	-
<i>Nguyên giá</i>	225		65.806.692.123	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.114.382.345)	-
Tài sản cố định vô hình	227	18	19.944.970.509	8.513.424.423
<i>Nguyên giá</i>	228		34.357.757.765	21.252.921.543
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.412.787.256)	(12.739.497.120)
Bất động sản đầu tư	230	19	59.092.428.908	-
<i>Nguyên giá</i>	231		60.093.995.500	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.001.566.592)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	20	120.567.157.794	129.151.868.730
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	120.567.157.794	129.151.868.730
Đầu tư tài chính dài hạn	250	21	288.819.751.053	72.713.193.139
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		96.108.096.319	7.133.049.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		192.711.654.734	77.704.479.384
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(12.124.335.245)
Tài sản dài hạn khác	260		197.561.665.931	19.650.369.016
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	147.820.030.015	1.873.410.601
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	4.561.514.910	7.415.692.084
Lợi thế thương mại	269	23	45.180.121.006	10.361.266.331
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.972.987.792.017	2.429.595.013.806

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		3.832.763.699.679	1.515.903.437.931
Nợ ngắn hạn	310		3.192.388.996.268	1.448.329.638.152
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	375.919.715.308	111.841.437.258
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	74.417.564.332	47.581.790.505
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	26(a)	14.182.472.481	20.239.067.632
Phải trả người lao động	314		42.241.938.567	21.615.193.302
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27	43.313.667.761	83.407.402.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	28	83.923.641.509	46.315.522.659
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	2.524.684.378.266	1.111.333.349.390
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	33.705.618.044	5.995.875.091
Nợ dài hạn	330		640.374.703.411	67.573.799.779
Phải trả dài hạn khác	337		109.000.000	532.640.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	635.913.322.611	67.041.159.779
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	3.352.380.800	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.000.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.140.224.092.338	913.691.575.875
Vốn chủ sở hữu	410	31	2.140.224.092.338	913.691.575.875
Vốn cổ phần	411	32	1.295.111.980.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		461.712.700.000	39.817.240.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		336.806.622	
Quỹ đầu tư phát triển	418	34	164.946.980.894	144.497.938.660
Lợi nhuận chưa phân phối	421		209.743.513.798	99.427.217.215
<i>LNST chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>13.152.652.380</i>	<i>63.126.443.624</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>196.590.861.418</i>	<i>36.300.773.591</i>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.372.111.024	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.972.987.792.017	2.429.595.013.806

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	4.388.304.573.122	2.988.769.083.174
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	22.017.976.642	13.957.338.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	36	4.366.286.596.480	2.974.811.744.902
Giá vốn hàng bán	11	37	3.764.194.583.074	2.627.304.143.427
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		602.092.013.406	347.507.601.475
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	68.093.642.215	47.863.862.875
Chi phí tài chính	22	39	123.741.662.266	74.909.648.999
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		112.614.495.163	67.197.422.177
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	21	5.379.902.948	3.119.664
Chi phí bán hàng	25	40	106.191.522.424	81.477.991.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	154.874.850.106	115.598.984.610
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		290.757.523.773	123.387.959.144
Thu nhập khác	31	42	9.276.333.037	4.024.794.657
Chi phí khác	32		3.946.632.938	647.370.000
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.329.700.099	3.377.424.657
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		296.087.223.872	126.765.383.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	49.287.635.053	35.229.077.605
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	44	(1.500.773.873)	(7.415.692.084)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)			248.300.362.692	98.951.998.280

► Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)			248.300.362.692	98.951.998.280
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		247.928.487.392	98.951.998.280
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		371.875.300	-
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	2.052	1.571

Ngày 23 tháng 9 năm 2016



Đỗ Thị Thủy Tiên
KẾ TOÁN TỔNG HỢP



Nguyễn Minh Tín
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Quế Trang
TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		296.087.223.872	126.765.383.801
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		127.365.426.816	53.102.418.888
Các khoản dự phòng	03		664.952.551	5.249.248.270
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		225.633.513	880.799.429
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(6.851.282.353)	(529.673.126)
Giá trị còn lại của tài sản cố định xóa sổ	05		316.725.000	-
Thu nhập tiền lãi	05		(64.227.284.130)	(42.679.262.399)
Phần lãi trong các công ty liên kết	05		(5.379.902.948)	(3.119.664)
Thu nhập cổ tức	05		(627.704.000)	(2.223.558.000)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	05		1.928.640.000	-
Thu nhập tài chính từ hợp nhất kinh doanh	05		(2.169.648.650)	-
Chi phí lãi vay	06		112.614.495.163	67.197.422.177
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		459.947.274.834	207.759.659.376
Biến động các khoản phải thu	09		89.044.746.570	(150.102.584.090)
Biến động hàng tồn kho	10		(617.839.247.125)	134.562.999.640
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		174.197.067.132	127.820.358.722
Biến động chi phí trả trước	12		(104.796.219.664)	1.138.750.715
			553.621.747	321.179.184.363
Tiền lãi vay đã trả	14		(106.501.290.440)	(67.549.792.446)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.490.681.940)	(27.084.521.250)

► Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

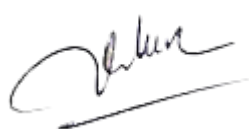
	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.571.771.118)	(6.484.961.374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(195.010.121.751)	220.059.909.293
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(177.031.454.672)	(82.414.029.022)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		93.888.388.228	4.784.965.410
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.054.400.000.000)	(351.000.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		557.021.461.456	299.131.109.972
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(84.661.897.300)	(12.487.536.700)
Mua các công ty con (trừ số dư tiền của các công ty con được mua) (Thuyết minh 6)	25		(8.861.363.765)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		2.250.000.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		58.046.535.175	28.069.575.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(613.748.330.878)	(113.915.914.563)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ chi phí phát hành	31		61.191.000.000	-
Tiền thu từ vốn góp vào công ty con của cổ đông không kiểm soát	31		2.400.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.558.040.817.345	2.706.921.157.611
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.266.051.672.184)	(2.782.059.110.310)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.136.994.868)	
Tiền trả cổ tức	36		(61.634.410.300)	(62.910.348.500)

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP
NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.288.808.739.993	(138.048.301.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		480.050.287.364	(31.904.306.469)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		39.259.307.816	71.162.997.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		28.542.755	617.043
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	61		336.806.622	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70		519.674.944.557	39.259.307.816

Ngày 23 tháng 9 năm 2016



Đỗ Thị Thủy Tiên
KẾ TOÁN TỔNG HỢP



Nguyễn Minh Tín
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Quế Trang
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

► Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.5.1

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

(b) HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh điện và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

(c) CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) CẤU TRÚC NHÓM CÔNG TY

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-001 cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 9 năm 2015, tại số 561A, đường Trần Phú, Ấp Tân Phước, Xã Tân Bình, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-009 cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 9 năm 2015, tại Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, tại Ấp Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-002 cấp lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 9 năm 2013, tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Chi nhánh này đã giải thể vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014, tại số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 8 công ty con và 2 công ty liên kết (1/7/2015: 2 công ty con và 1 công ty liên kết), như sau:

CÔNG TY	CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU	
			30/6/2016	1/7/2015
CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (“Hải Vi”)(vi)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long (“Biên Hòa – Thành Long”)(i)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (“NHS”) (trước đây là Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa) (ii)	Sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 11 năm 2015.	100%	0,66%
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) (ii)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn gia súc; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	66,97%	-
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”)	Sản xuất điện; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	-
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (“NHS PTE”) (ii)	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.	Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%	-

CÔNG TY	CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU	
			30/6/2016	1/7/2015
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) (iii)	Sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21 tháng 8 năm 2015.	94,51%	6,97%
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa (“Thương mại Biên Hòa”) (iv)	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu, kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống.	Giấy phép Kinh doanh số 0313733213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 4 năm 2016.	98%	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) (ii)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	38%	24%
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh đường, sản và cao su.	Giấy phép Kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007.	26,49%	-

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và công ty này vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, các Cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua thêm 99,34% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng cách phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại đã hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2015. Sau khi Công ty sở hữu 100% cổ phiếu của NHS, NHS đã đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày 31 tháng 10 năm 2015, NHS có các công ty con sau:

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY	TỈ LỆ SỞ HỮU 31/10/2015
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	62,92%
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa	100%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company	100%

Ngoài ra, do kết quả của việc mua lại này, lợi ích kinh tế của Nhóm Công ty trong Mía đường Thành Thành Công tăng từ 24% lên 38% từ ngày 31 tháng 10 năm 2015. Phần tăng thêm này tương ứng với tỷ lệ lợi ích của NHS trong Mía đường Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 10 năm 2015

(iii) Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 26 tháng 10 năm 2015, Cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua lại 87,54% cổ phần của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang bằng tiền mặt là 78.781 triệu VND. Việc mua lại này đã hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.

(iv) Công ty đã góp 117.600 triệu VND tương đương 98% lợi ích vốn chủ sở hữu vào Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa vào ngày 31 tháng 5 năm 2016.

(v) Ngày 9 tháng 5 năm 2016, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Một thành viên Biên Hòa – Ninh Hòa quyết định thanh lý 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Nhiệt điện Ninh Hòa. Tại ngày lập báo cáo này, việc thanh lý chưa được hoàn tất.

(vi) Ngày 16 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 99% vốn góp của Công ty tại Hải Vi. Tại ngày lập báo cáo này, việc chuyển nhượng chưa được hoàn tất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 1.872 nhân viên (1/7/2015: 894 nhân viên).

(e) CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÓ ẢNH HƯỞNG TRỌNG YẾU ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã mua lại lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang. Ban Tổng Giám đốc dự kiến rằng Nhóm Công ty sẽ có thêm thị phần và linh hoạt hơn trong việc đưa ra các chiến lược tài chính sau khi thực hiện các giao dịch mua lại các công ty này.

6.5.2

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) CƠ SỞ ĐO LƯỜNG

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

6.5.3

ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP MỚI BAN HÀNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Không có thay đổi trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty do việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202.

6.5.4

TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) CƠ SỞ HỢP NHẤT

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Nhóm Công ty. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý khi hợp nhất tại ngày mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu do Nhóm Công ty phát hành tại ngày mua. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc công cụ vốn chủ sở hữu, mà Nhóm Công ty phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể thì không được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

(b) NGOẠI TỆ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận góp vốn cổ phần.
- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.

- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản nợ phải trả đó.
- ▶ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- ▶ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kế toán năm. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- ▶ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(i) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Chính sách kế toán cho dự phòng các khoản phải thu quá hạn của Nhóm Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được

TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật liệu kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

(i) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(h).

(j) TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất từ 19 năm đến 20 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 15 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	20 năm
Nhà cửa	20 năm

(l) XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê ("Thông tư 45"). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 năm đến 50 năm.

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(n) LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(o) CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ PHẢI TRẢ KHÁC

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) DỰ PHÒNG

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

(q) TRÁI PHIẾU THƯỜNG PHÁT HÀNH

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(r) QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(s) VỐN CỔ PHẦN

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(t) CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông.

(u) THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(v) DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán điện

Doanh thu được ghi nhận căn cứ vào số lượng điện đã cung cấp và giá bán thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được

đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(w) CÁC KHOẢN THANH TOÁN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(x) CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(y) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 giảm 350 VND.

(z) BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(aa) CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

6.5.5

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

6.5.6

HỢP NHẤT KINH DOANH

(i) MUA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA (“NHS”) – GIAO DỊCH KHÔNG CHỊU SỰ KIỂM SOÁT CHUNG

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 99,34% lợi ích vốn chủ sở hữu trong NHS bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của NHS. Sau khi hoàn tất giao dịch, Công ty sở hữu 100% lợi ích trong NHS tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng ghi nhận 1.541.944.650 VND trong thu nhập hoạt động tài chính như là khoản điều chỉnh giá trị hợp lý cho các cổ phiếu của NHS do Công ty sở hữu tại ngày mua.

Chi tiết tổng khoản thanh toán cho việc mua khoản đầu tư này như sau:

	GIÁ TRỊ (VND)
Giá trị thị trường của 60.349.080 cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 cho 99,34% lợi ích vốn chủ sở hữu	1.025.934.360.000
Giá trị ghi sổ của cổ phiếu NHS do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	4.792.591.350
Điều chỉnh giá trị hợp lý cho cổ phiếu NHS do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	1.541.944.650
Tổng khoản thanh toán cho việc mua lại	1.032.268.896.000

Giá trị thị trường của 60.349.080 cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 được xác định theo giá thị trường tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 10 năm 2015, trước khi phát hành các cổ phiếu mới này.

Việc mua lại có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty tại ngày mua như sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	GIÁ TRỊ GHI SỔ TRƯỚC NGÀY MUA VND	CÁC ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	GIÁ TRỊ GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.892.539.551	-	66.892.539.551
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu của khách hàng	146.756.800.544	-	146.756.800.544
Trả trước cho người bán	179.517.070.236	-	179.517.070.236
Phải thu về cho vay	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	11.719.529.639	-	11.719.529.639
Hàng tồn kho	78.741.645.242	7.327.276.626	86.068.921.868
Chi phí trả trước ngắn hạn	34.840.422.117	-	34.840.422.117
Tài sản ngắn hạn khác	33.299.308.282	-	33.299.308.282
Tài sản cố định hữu hình	546.500.693.044	-	546.500.693.044
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	52.482.413.775	-	52.482.413.775
Tài sản cố định vô hình	750.544.746	-	750.544.746
Xây dựng cơ bản dở dang	155.311.232.672	-	155.311.232.672
Đầu tư tài chính dài hạn	252.019.042.400	36.120.544.000	288.139.586.400
Chi phí trả trước dài hạn	21.627.054.077	-	21.627.054.077
Lợi thế thương mại	1.856.430.057	(1.856.430.057)	-
Tài sản dài hạn khác	6.529.285.294	-	6.529.285.294
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(471.169.197.115)	-	(471.169.197.115)
Phải trả người bán	(77.335.574.651)	-	(77.335.574.651)
Người mua trả tiền trước	(932.459.582)	-	(932.459.582)
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	(7.148.719.939)	-	(7.148.719.939)
Nợ phải trả khác	(13.460.862.638)	-	(13.460.862.638)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(125.322.019.148)	-	(125.322.019.148)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.748.618.821)	-	(4.748.618.821)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(7.956.836.463)	(7.956.836.463)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	980.726.559.782	33.634.554.106	1.014.361.113.888

	GIÁ TRỊ GHI SỔ TRƯỚC NGÀY MUA VND	CÁC ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	GIÁ TRỊ GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA VND
Tài sản thuần được mua lại			1.012.308.729.629
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			19.960.166.371
Khoản thanh toán cho việc mua lại			1.032.268.896.000
Trong đó:			
Khoản tiền và tiền thuần thu được			66.892.539.551

(ii) MUA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG PHAN RANG (“ĐƯỜNG PHAN RANG”) - GIAO DỊCH KHÔNG CHỊU SỰ KIỂM SOÁT CHUNG

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 87,54% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Đường Phan Rang với khoản thanh toán bằng tiền là 78.781 triệu VND. Sau khi hoàn tất giao dịch, Công ty sở hữu 94,51% lợi ích trong Đường Phan Rang tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng ghi nhận 627.704.000 VND trong thu nhập hoạt động tài chính như là khoản điều chỉnh giá trị hợp lý cho các cổ phiếu của Đường Phan Rang do Công ty sở hữu tại ngày mua.

	GIÁ TRỊ (VND)
Khoản tiền thanh toán cho 87,54% lợi ích vốn chủ sở hữu	78.781.480.000
Giá trị ghi sổ của cổ phiếu Đường Phan Rang do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	5.649.336.000
Điều chỉnh giá trị hợp lý cho cổ phiếu Đường Phan Rang do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	627.704.000
Tổng khoản thanh toán cho việc mua lại	85.058.520.000

Việc mua lại có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty tại ngày mua như sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành
của báo cáo tài chính hợp nhất này

	GIÁ TRỊ GHI SỔ TRƯỚC NGÀY MUA VND	CÁC ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND	GIÁ TRỊ GHI NHẬN TẠI NGÀY MUA VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.027.576.684	-	3.027.576.684
Phải thu của khách hàng	23.440.206.233	-	23.440.206.233
Trả trước cho người bán	40.448.596.340	-	40.448.596.340
Phải thu ngắn hạn khác	1.737.975.795	-	1.737.975.795
Hàng tồn kho	5.769.802.278	-	5.769.802.278
Chi phí trả trước ngắn hạn	689.767.042	-	689.767.042
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	249.504.616	-	249.504.616
Tài sản ngắn hạn khác	148.169.953	-	148.169.953
Tài sản cố định hữu hình	92.500.090.101	-	92.500.090.101
Xây dựng cơ bản dở dang	4.360.187.554	-	4.360.187.554
Chi phí trả trước dài hạn	280.600.128	-	280.600.128
Tài sản dài hạn khác	276.504.616	-	276.504.616
Vay ngắn hạn	(64.255.974.000)	-	(64.255.974.000)
Phải trả người bán	(4.006.407.544)	-	(4.006.407.544)
Người mua trả tiền trước	(187.278.810)	-	(187.278.810)
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	(67.838.602)	-	(67.838.602)
Phải trả người lao động	(3.008.202.502)	-	(3.008.202.502)
Phải trả dài hạn khác	(1.849.894.006)	-	(1.849.894.006)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.506.081.898)	-	(4.506.081.898)
Vay dài hạn	(26.635.318.424)	-	(26.635.318.424)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	68.411.985.554		68.411.985.554
Tài sản thuần được mua			64.655.802.683
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			20.402.717.317
Khoản thanh toán cho việc mua lại			85.058.520.000
Trong đó:			
Khoản thanh toán bằng tiền			(78.781.480.000)
Khoản tiền thu được			3.027.576.684
Khoản tiền thanh toán thuần			(75.753.903.316)

6.5.7

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Tiền mặt	672.093.351	439.725.788
Tiền gửi ngân hàng	436.402.851.206	8.928.352.028
Tiền đang chuyển	-	691.230.000
Các khoản tương đương tiền	82.600.000.000	29.200.000.000
	519.674.944.557	39.259.307.816

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: không).

6.5.8

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 6,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 4,7%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tất cả các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 131 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: không).

6.5.9

PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

(a) PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG CHI TIẾT THEO KHÁCH HÀNG LỚN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	174.154.194.588	211.914.294
Công ty Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam	136.069.815.000	31.037.580.000
Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam	61.562.172.000	32.699.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.534.465.784	164.344.146.994
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	46.019.019.851
Các khách hàng khác	152.193.436.222	122.876.891.381
	532.514.083.594	397.188.652.520

(b) PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG PHÂN LOẠI THEO KỲ HẠN THANH TOÁN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Ngắn hạn	532.514.083.594	397.188.652.520

(c) PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG LÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	174.154.194.588	211.914.294
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.534.465.784	164.344.146.994
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	26.620.550	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	6.006.658	730.308.645
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	-	255.816.511
Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai	-	125.368.655

Phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 491 tỷ VND (1/7/2015: 342 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

6.5.10

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN
(a) TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN CHI TIẾT THEO NHÀ CUNG CẤP LỚN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Global Mind Commodities Trading Pte Limited	220.781.750.000	-
Trả trước cho nông dân trồng mía	251.132.103.444	116.764.394.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	164.705.792.455
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	26.423.500.992
Các nhà cung cấp khác	48.700.570.059	87.100.860.426
	520.614.423.503	394.994.548.622

(b) TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN PHÂN LOẠI THEO KỲ HẠN THANH TOÁN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Ngắn hạn	500.867.125.679	377.346.149.810
Dài hạn	19.747.297.824	17.648.398.812
	520.614.423.503	394.994.548.622

(c) TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN LÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	11.509.412.465	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	112.668.750	83.653.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	164.705.792.455
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	26.423.500.992

Khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 8,5% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 8,2% đến 8,5%).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng là từ 0,8% đến 0,9% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 0,9%). Khoản trả trước cho nông

dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 năm đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong năm, Nhóm Công ty đã cấn trừ 449 tỷ VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 180 tỷ VND).

6.5.11

PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
PHẢI THU VỀ CHO VAY TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN:		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	69.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	317.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	80.000.000.000	-
PHẢI THU VỀ CHO VAY TỪ CÁC BÊN THỨ BA:		
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vital	-	2.921.461.456
Khác	800.000.000	-
	590.300.000.000	77.921.461.456
Ngắn hạn	425.300.000.000	77.921.461.456
Dài hạn	165.000.000.000	-

Các khoản phải thu về cho vay hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 11% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 4,75% đến 11%). Các khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo.

6.5.12

PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	101.430.000.000	-
Mua cổ phần chưa nhận sổ cổ đông	-	6.838.200.700
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	8.784.700.328	2.852.868.841
Tạm ứng cho người lao động	14.008.153.506	2.489.480.272
Đặt cọc ngắn hạn (*)	43.442.229.250	661.500.000
Phải thu khác	14.605.229.531	949.569.744
	182.270.312.615	13.791.619.557

(*) Khoản này chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc để thuê đất trồng mía tại Thành Long, Tỉnh Tây Ninh.

6.5.13

NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI

	30/6/2016				1/7/2015			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
NỢ QUÁ HẠN TỪ TRẢ TRƯỚC CHO NÔNG DÂN TRỒNG MÍA								
Nguyễn Minh Đạt	1.548	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-	1.183	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-
Nguyễn Văn Thanh		-	-	-	818	3.749.281.161	(2.658.221.445)	1.091.059.716
Nguyễn Văn Bình	1.184	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-		-	-	-
Võ Thành Vinh	461	2.222.892.349	(1.111.446.175)	1.111.446.174		-	-	-
Lê Văn Hùng	1.183	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-	818	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-
Khác		7.644.036.827	(6.215.207.414)	1.428.829.413		4.216.947.280	(3.122.156.281)	1.094.790.999
		19.441.510.758	(16.901.235.171)	2.540.275.587		13.791.528.862	(11.605.678.147)	2.185.850.715
NỢ QUÁ HẠN TỪ PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG								
Công ty TNHH Phước Thịnh	1.673	999.809.072	(999.809.072)	-	1.308	999.809.072	(999.809.072)	-
Xí nghiệp Sản xuất Gia công Bao dầy Đại Thắng	4.933	315.035.552	(315.035.552)	-	4.564	315.035.552	(315.035.552)	-
Khác		123.899.227	(123.899.227)	-		126.639.516	(126.639.516)	-
		1.438.743.851	(1.438.743.851)	-		1.441.484.140	(1.441.484.140)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(18.339.979.022)				(13.047.162.287)	

6.5.14

HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016 GIÁ GỐC VND	1/7/2015 GIÁ GỐC VND
Hàng mua đang đi đường	52.256.152	-
Nguyên vật liệu	422.884.188.304	54.209.965.390
Công cụ và dụng cụ	17.232.294.991	14.901.818.581
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.251.848.847	41.804.976.811
Thành phẩm	871.805.731.516	579.561.686.615
Hàng hóa	26.167.258.588	12.088.479.097
Hàng gửi đi bán	10.851.319.367	-
	1.412.244.897.765	702.566.926.494

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 989 tỷ VND (1/7/2015: 393 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

6.5.15

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Chi phí trả trước cho mùa vụ sản xuất tiếp theo	21.047.003.529	9.137.121.374
Bảo trì tài sản cố định	3.540.076.234	2.673.514.504
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.035.818.259	1.879.423.877
	28.622.898.022	13.690.059.755

(a) CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Số dư đầu năm	-	1.873.410.601
Mua các công ty con	13.012.539.031	8.895.115.174
Tăng trong năm	123.164.684.947	7.739.163.544
Phân bổ trong năm	(1.716.516.079)	(5.148.367.203)
Số dư cuối năm	134.460.707.899	147.820.030.015

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 989 tỷ VND (1/7/2015: 393 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

6.5.16

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

		30/6/2016	1/7/2015		
		VND	VND		
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	207.556.733.613	782.087.340.021	32.990.144.450	10.973.050.832	1.033.607.268.916
Mua các công ty con	69.012.418.208	551.406.182.280	15.892.271.675	2.689.910.982	639.000.783.145
Tăng trong năm	711.256.080	9.789.265.527	3.871.250.819	556.653.455	14.928.425.881
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	39.464.734.520	227.636.950.866	1.941.385.091	2.998.280.304	272.041.350.781
Thanh lý	(574.436.845)	(104.092.203.002)	(3.358.715.486)	(32.000.000)	(108.057.355.333)
Xóa sổ	(463.500.000)	(41.735.385)	-	-	(505.235.385)
Số dư cuối năm	315.707.205.576	1.466.785.800.307	51.336.336.549	17.185.895.573	1.851.015.238.005
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	92.217.736.996	359.851.947.164	12.985.624.889	5.324.096.886	470.379.405.935
Khấu hao trong năm	15.997.755.268	93.689.443.869	5.573.891.878	1.771.067.715	117.032.158.730
Thanh lý	(574.436.845)	(18.503.884.293)	(1.934.994.980)	(6.933.340)	(21.020.249.458)
Xóa sổ	(146.775.000)	(41.735.385)	-	-	(188.510.385)
Số dư cuối năm	107.494.280.419	434.995.771.355	16.624.521.787	7.088.231.261	566.202.804.822
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	115.338.996.617	422.235.392.857	20.004.519.561	5.648.953.946	563.227.862.981
Số dư cuối năm	208.212.925.157	1.031.790.028.952	34.711.814.762	10.097.664.312	1.284.812.433.183

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 186.648 triệu VND đã khấu hao hết (1/7/2015: 113.813 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 869 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: 282 tỷ VND).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6.5.17

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	-
Mua các công ty con	52.482.413.775
Tăng trong năm	7.988.532.728
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.335.745.620
Số dư cuối năm	65.806.692.123
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	2.114.382.345
Số dư cuối năm	2.114.382.345
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	63.692.309.778

Nhóm Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối thời hạn thuê, Nhóm Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 29).

6.5.18

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	CHI PHÍ PHÁT TRIỂN VND	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH VND	TỔNG VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	14.759.072.958	4.711.656.654	1.782.191.931	21.252.921.543
Mua các công ty con	606.936.260	-	143.608.486	750.544.746
Tăng trong năm	6.445.501.294	-	49.370.000	6.494.871.294
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.669.169.200	-	1.190.250.982	5.859.420.182
Phân loại lại	1.167.385.487	(1.167.385.487)	-	-
Số dư cuối năm	27.648.065.199	3.544.271.167	3.165.421.399	34.357.757.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	7.905.915.195	4.290.954.731	542.627.194	12.739.497.120
Khấu hao trong năm	887.296.983	105.045.864	680.947.289	1.673.290.136
Phân loại lại	1.167.385.487	(1.167.385.487)	-	-
Số dư cuối năm	9.960.597.665	3.228.615.108	1.223.574.483	14.412.787.256
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	6.853.157.763	420.701.923	1.239.564.737	8.513.424.423
Số dư cuối năm	17.687.467.534	315.656.059	1.941.846.916	19.944.970.509

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 9.752 triệu VND (1/7/2015: 2.228 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6.5.19

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	NHÀ CỬA VND	TỔNG VND
NGUYÊN GIÁ			
Tăng trong năm và số dư cuối năm	17.560.643.130	42.533.352.370	60.093.995.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	292.677.386	708.889.206	1.001.566.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	17.267.965.744	41.824.463.164	59.092.428.908

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59 tỷ VND (1/7/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

6.5.20

XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	129.151.868.730	121.495.589.838
Mua các công ty con	159.671.420.226	-
Tăng trong năm	114.980.385.421	87.427.435.576
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(272.041.350.781)	(79.001.406.684)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(5.335.745.620)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(5.859.420.182)	(769.750.000)
Số dư cuối năm	120.567.157.794	129.151.868.730

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ (**)	23.512.406.107	23.512.406.107
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trụ sở chính	14.293.455.545	43.118.292.657
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nông trường Thành Long	19.611.420.423	13.165.047.891
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Trị An	8.845.623.334	7.705.677.957
Xây dựng cơ bản dở dang tại Ninh Hòa và Phan Rang	7.807.357.706	-
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Tây Ninh	829.342.560	1.968.067.563
Xây dựng cơ bản dở dang khác	5.985.175.564	-
	120.567.157.794	129.151.868.730

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án này với giá trị chuyển nhượng là 2.026.740 USD và bên mua đã ứng trước 1.621.392 USD cho Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành do có sự thay đổi trong các luật và quy định của Campuchia, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Công ty đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư mới để chuyển nhượng dự án này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 19 tỷ (1/7/2015: 6 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 312 triệu VND (năm kết thúc ngày 30/6/2015: không).

6.5.21

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

ĐẦU TƯ VỐN CHỦ SỞ HỮU DÀI HẠN VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:									
30/6/2016					1/7/2015				
Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Ng- hiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	1,140.000	38,00%	11.306.092.064	-	(*)	720.000	24,00%	7.133.049.000	- (*)
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	7.789.310	26,49%	84.802.004.255	- (*)	-	-	-	-	-
			96.108.096.319	-			7.133.049.000	-	-
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC:									
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.185.570	13,08%	11.432.286.000	- (*)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (**)	12.234.472	6,59%	181.279.368.734	-	381.715.526.400	-	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công - Gia Lai (**)			-	-	4.046.196	10,37%	58.262.552.034	(10.922.058.834)	47.340.493.200
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín			-	-	750.000	5,00%	9.000.000.000	(1.202.276.411)	(*)
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa			-	-	400.920	0,66%	4.792.591.350	-	(*)
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang			-	-	313.852	6,97%	5.649.336.000	-	(*)
			192.711.654.734	-			77.704.479.384	(12.124.335.245)	
			288.819.751.053	-			84.837.528.384	(12.124.335.245)	

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày báo cáo.

(**) Trong năm, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã phát hành cổ phiếu phổ thông

cho các cổ đông hiện hữu của Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai) để mua lại 100% cổ phần của công ty này với tỷ lệ hoán đổi là 1:1,05.

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	7.133.049.000	7.129.929.336
Mua các công ty con	4.200.000.000	-
Tăng trong năm	79.450.962.000	-
Biến động giá trị tài sản thuần thuộc về Nhóm Công ty	(55.817.629)	-
Phần lãi trong các công ty liên kết	5.379.902.948	3.119.664
Số dư cuối năm	96.108.096.319	7.133.049.000

Biến động các khoản đầu tư vốn dài hạn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	77.704.479.384	72.055.143.384
Mua các công ty con	283.939.586.400	-
Tăng trong năm	11.432.286.000	5.649.336.000
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	(10.441.927.350)	-
Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dài hạn	(49.000.000.000)	-
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	(8.564.129.700)	-
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (***)	(103.358.640.000)	-
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(9.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	192.711.654.734	77.704.479.384

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

(***) Nhóm Công ty đã thanh lý toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Điện Gia Lai vào tháng 5 năm 2016. Giao dịch thanh lý được tóm tắt như sau:

	VND
Giá bán	101.430.000.000
Trừ: Giá vốn khoản đầu tư tại ngày thanh lý	(103.358.640.000)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	(1.928.640.000)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Số dư đầu năm	12.124.335.245	10.112.819.634
Tăng trong năm	5.547.723.589	7.467.825.911
Hoàn nhập trong năm	(10.922.058.834)	(5.456.310.300)
Sử dụng trong năm	(6.750.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	12.124.335.245

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: không). Ngoài ra, một phần của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 165 tỷ VND cũng được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

6.5.22

**TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ
THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	30/6/2016		1/7/2015	
	TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VND	THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ VND	TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VND	THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ VND
Chi phí phải trả và dự phòng	1.928.703.378	-	7.415.692.084	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.632.811.532	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(3.352.380.800)	-	-
Tổng tài sản thuế hoãn lại/(thuế hoãn lại phải trả)	4.561.514.910	(3.352.380.800)	7.415.692.084	

6.5.23

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	21.813.192.278
Tăng trong năm (Thuyết minh 6)	40.362.883.688
Số dư cuối năm	62.176.075.966
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	11.451.925.947
Phân bổ trong năm	5.544.029.013
Số dư cuối năm	16.995.954.960
GIÁ TRỊ GHI SỔ	
Số dư đầu năm	10.361.266.331
Số dư cuối năm	45.180.121.006

6.5.24

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN CHI TIẾT THEO NHÀ CUNG CẤP LỚN

	30/6/2016 GIÁ GỐC/SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND	1/7/2015 GIÁ GỐC/SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	220.671.267.055	913.962.878
Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai	53.200.900.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Biên Hòa – Ninh Hòa	-	69.305.221.681
Các nhà cung cấp khác	102.047.548.253	41.622.252.699
	375.919.715.308	111.841.437.258

(b) PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN CHI TIẾT THEO NHÀ CUNG CẤP LỚN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Ngắn hạn	375.919.715.308	111.841.437.258

(c) PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN LÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	220.671.267.055	913.962.878
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	2.472.649.840	549.425.041
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.469.160.491	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	1.703.896.800	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	133.070.769	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	10.000.000	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(d) SỐ NỢ QUÁ HẠN CHƯA THANH TOÁN

Không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 7 năm 2015.

6.5.25

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Trả trước từ các bên liên quan	5.603.955.912	370.913.853

Khoản trả trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

6.5.26

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(a) THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/7/2015 VND	MUA CÁC CÔNG TY CON VND	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM VND	SỐ ĐÃ NỘP/ CẦN TRỪ TRONG NĂM VND	30/6/2016 VND
THUẾ					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.355.823.485	7.138.364.107	49.287.635.053	(59.490.681.940)	12.291.140.705
Thuế giá trị gia tăng	4.737.628.779	327.314	64.277.455.158	(67.259.913.609)	1.755.497.642
Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu	-	-	54.817.054.668	(54.817.054.668)	-
Thuế tiêu thu đặc biệt	32.414	-	26.607.360	(26.639.774)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	434.211.376.524	(434.211.376.524)	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.474.554	4.600.000	5.397.792.129	(5.412.316.861)	130.549.822
Các loại thuế khác	5.108.400	73.267.120	2.650.718.066	(2.723.809.274)	5.284.312
	20.239.067.632	7.216.558.541	610.668.638.958	(623.941.792.650)	14.182.472.481

(b) THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	1/7/2015 VND	MUA CÁC CÔNG TY CON VND	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM VND	SỐ ĐÃ NỘP/ CẦN TRỪ TRONG NĂM VND	30/6/2016 VND
CÁC KHOẢN THUẾ ĐÃ NỘP CHO NHÀ NƯỚC SẼ ĐƯỢC HOÀN LẠI					
Các loại thuế khác	920.476.671	2.352.725.346	380.674.951	(2.357.896.020)	1.295.980.948

6.5.27

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Hỗ trợ nông dân trồng mía	18.810.928.781	-
Chi phí lãi vay	7.778.194.519	1.352.989.796
Chi phí hỗ trợ bán hàng	6.443.055.152	4.492.793.057
Chi phí vận chuyển	1.224.310.226	257.600.000
Mua đường nhập khẩu	-	61.849.665.630
Xây dựng cơ bản dở dang	-	9.732.856.537
Chi phí khác	9.057.179.083	5.721.497.295
	43.313.667.761	83.407.402.315

6.5.28

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	33.172.706.250
Tạm ứng từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (**)	20.000.000.000	-
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	3.917.392.948
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.450.175.000	683.175.000
Cổ tức phải trả	4.630.795.700	1.745.210.200
Chi phí lương và công tác phí cho nhân viên bán hàng	2.112.986.157	1.073.913.713
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.395.961.625	692.750.000
Phải trả cho nông dân trồng mía	5.988.942.248	-
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	326.439.185	298.078.406
Các khoản phải trả khác	5.928.242.396	4.732.296.142
	83.923.641.509	46.315.522.659

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh20).

(**) Một công ty con đã nhận khoản tạm ứng từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ các đơn vị tham gia chương trình bình ổn giá đường trong dịp Tết Nguyên đán đầu năm 2017. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8 % trong năm và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận ứng trước.

6.5.29

VAY, TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) VAY, TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	1/7/2015		BIẾN ĐỘNG			30/6/2016	
	GIÁ TRỊ GHI SỐ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	MUA CÁC CÔNG TY CON	TĂNG	GIẢM	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	36.378.969.415	507.850.293.431	4.925.371.532.161	(4.177.353.779.288)	2.330.822.426.279	2.330.822.426.279
Vay dài hạn đến hạn trả	36.378.969.415	-	25.063.227.604	97.049.836.589	(77.111.314.275)	81.380.719.333	81.380.719.333
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	-	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	-		2.511.650.080	11.893.197.699	(1.923.615.125)	12.481.232.654	12.481.232.654
	1.111.333.349.390	1.111.333.349.390	535.425.171.115	5.134.314.566.449	(4.256.388.708.688)	2.524.684.378.266	2.524.684.378.266

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	LOẠI TIỀN	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	644.946.400.045	257.484.978.534
Khoản vay 2 từ Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	32.618.212.959	43.853.711.674
Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố	VND	160.834.936.032	34.081.070.000
Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	99.448.669.652	51.737.418.415
Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh (e)	VND	279.698.206.982	292.095.480.743
Khoản vay 6 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (f)	VND	51.596.232.568	57.935.351.615
Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (g)	VND	141.184.013.449	86.346.113.344
Khoản vay 8 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	54.689.824.271	45.000.000.000
Khoản vay 9 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (h)	VND	44.955.011.263	17.243.531.650
Khoản vay 10 từ Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	1.051.148.343	-
Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	USD	-	132.722.964.000
Khoản vay 12 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	-	56.453.760.000
Khoản vay 13 từ Ngân hàng The Hongkong and Shanghai Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (j)	VND	42.924.581.254	-
Khoản vay 14 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa (k)	VND	119.917.376.019	-
Khoản vay 15 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (l)	VND	168.791.285.322	-
Khoản vay 16 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (m)	VND	231.212.205.884	-
Khoản vay 17 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (n)	VND	110.000.000.000	-

	LOẠI TIỀN	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Khoản vay 18 từ Ngân hàng TNHH CTBC (o)	VND	32.800.000.000	-
Khoản vay 19 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (p)	VND	20.000.000.000	-
Khoản vay 20 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (q)	VND	36.439.306.036	-
Khoản vay 21 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (r)	VND	57.715.016.200	-
		2.330.822.426.279	1.074.954.379.975

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt là từ 3,2% đến 6,8% (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 5,2% đến 6,0%) và 2,5% (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 2,5%) trong năm.

(a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 800 tỷ VND (1/7/2015: 500 tỷ VND). Khoản vay này, cùng với khoản vay 3, khoản vay 4, khoản vay 5 (Thuyết minh 29(b)(i)), được bảo đảm bằng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 69 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 197 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/7/2015: quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 1 tỷ VND, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 214 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 3 tỷ VND).

(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 45 tỷ VND hoặc 2 triệu USD (1/7/2015: 65 tỷ VND hoặc 3 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 45 tỷ VND (1/7/2015: 98 tỷ VND).

(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 268 tỷ VND hoặc 12 triệu USD (1/7/2015: 261 tỷ VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 168 tỷ VND (1/7/2015: 163 tỷ VND) mỗi loại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND (1/7/2015: 120 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 100 tỷ VND (1/7/2015: 100 tỷ VND).

(e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND (1/7/2015: 300 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 130 tỷ VND và 98 tỷ VND (1/7/2015: 130 tỷ VND và 31 tỷ VND). Ngoài ra các quyền nhận tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam mà vẫn còn hiệu lực thi hành và các hợp đồng kinh tế sẽ ký kết cho tới ngày đáo hạn của khoản vay này, cũng được dùng để thế chấp cho khoản vay này.

(f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (1/7/2015: 60 tỷ VND) và được ngân hàng cho vay tín chấp.

(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (1/7/2015: 100 tỷ VND) và được ngân hàng cho vay tín chấp.

(h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD (1/7/2015: 109 tỷ VND hoặc 5 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 50 tỷ VND (1/7/2015: 50 tỷ VND).

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 101 tỷ VND hoặc 4,5 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 101 tỷ VND.

(j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 134 tỷ VND hoặc 6 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bởi Công ty và khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 39 tỷ VND và 88 tỷ VND.

(k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng một phần khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 109 tỷ VND.

(l) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 7 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị là 82 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(m) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 300 tỷ VND và 49 tỷ VND.

(n) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 69 tỷ VND mỗi loại.

(o) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 34 tỷ VND hoặc 1,5 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 22 tỷ VND và 33 tỷ VND.

(p) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được Công ty bảo lãnh.

(q) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan bảo lãnh.

(r) Khoản vay này, cùng với khoản vay 15, khoản vay 16, khoản vay 17 và khoản vay 18 (Thuyết minh 29(b)(i)) có tổng hạn mức tối đa là 127 tỷ VND. Các khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 79 tỷ VND và tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(b) VAY, TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Vay dài hạn (i)	282.217.411.305	103.420.129.194
Trái phiếu thường (ii)	500.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính (iii)	47.557.863.293	-
	829.775.274.598	103.420.129.194
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(193.861.951.987)	(36.378.969.415)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	635.913.322.611	67.041.159.779

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	NĂM ĐÁO HẠN	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	2018	11.038.521.968	14.718.029.289
Khoản vay 2 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (b)	2020	7.242.998.200	9.255.969.000
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	2017	6.924.386.602	18.182.701.572
Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	2018	6.138.120.640	8.594.120.640
Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	2018	5.216.121.768	7.775.298.684
Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (f)	2022	14.519.689.322	14.428.720.716
Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (g)	2023	80.000.000.000	-
Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai			2.400.000.000
Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai			849.825.000
Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai			4.803.185.030
Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai			3.645.442.356
Khoản vay 12 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai			18.766.836.907
Ngân hàng Hongkong and Shanghai Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	2018	84.039.649.081	-
Khoản vay 14 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Khánh Hòa (i)	2021	45.900.000.000	-
Khoản vay 15 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	2018	11.891.500.000	-
Khoản vay 16 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	2017	418.032.500	-
Khoản vay 17 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	2018	3.523.916.074	-

	NĂM ĐÁO HẠN	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Khoản vay 18 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	2020	2.335.756.550	-
Khoản vay 19 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (k)	2018	3.028.718.600	-
		282.217.411.305	103.420.129.194
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(81.380.719.339)	(36.378.969.415)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		200.836.691.966	67.041.159.779

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 10,0% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 3,9% đến 10,0%).

(a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 52 tỷ VND và được ngân hàng cho vay tín chấp.

(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30 tỷ VND và được ngân hàng cho vay tín chấp.

(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 29(a)), khoản vay 4 và khoản vay 5 (Thuyết minh 29(b)(i)).

(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 11 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 29(a)), khoản vay 3 và khoản vay 5 (Thuyết minh 29(b)(i)).

(e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 29(a)), khoản vay 3 và khoản vay 4 (Thuyết minh 29(b)(i)).

(f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 26 tỷ VND và được bảo đảm bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 26 tỷ VND (1/7/2015: không) và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1 tỷ VND (1/7/2015: 3 tỷ VND) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 218 tỷ VND và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 121 tỷ VND.

(h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 268 tỷ VND hoặc 12 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn và tài sản trên đất trong tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 7 tỷ VND và 5 tỷ VND. Ngoài ra, khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 146 tỷ VND.

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 148 tỷ VND.

(j) Các khoản vay này, cùng với khoản vay 21 (Thuyết minh 29(a)), có tổng hạn mức tối đa là 127 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 21 (Thuyết minh 29(a)).

(k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 4 tỷ VND.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(i) Trái phiếu thường

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	LOẠI TIỀN	LÃI SUẤT NĂM	NĂM ĐÁO HẠN	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá:					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk	VND	Chi phí huy động vốn + 2,75%	2021	500.000.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(100.000.000.000)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				400.000.000.000	-

Các trái phiếu này được bảo đảm bằng bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 193 tỷ VND và khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công với giá trị ghi sổ là 56 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ngoài ra, các trái phiếu cũng được bảo đảm bằng khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa.

(i) Nợ thuê tài chính

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	LOẠI TIỀN	LÃI SUẤT NĂM	NĂM ĐÁO HẠN	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu:					
Khoản vay 1	USD	10%	2020	36.418.926.144	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay 2	VND	8,5%	2018	3.758.856.191	-
Khoản vay 3	VND	8,5%	2018	7.380.080.958	-
				47.557.863.293	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND		
	TỔNG KHOẢN THANH TOÁN TIỀN THUÊ TÀI CHÍNH	TIỀN LÃI THUÊ	NỢ GỐC
Trong vòng một năm	16.239.602.719	3.758.370.071	12.481.232.648
Trong vòng hai đến năm năm	39.826.966.920	4.750.336.275	35.076.630.645
	56.066.569.639	8.508.706.346	47.557.863.293

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính (Thuyết minh 17)

6.5.30

QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	5.995.875.091	6.139.733.966
Mua các công ty con	9.254.700.719	-
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	48.026.813.352	5.318.202.499
Sử dụng quỹ trong năm	(29.571.771.118)	(5.462.061.374)
Số dư cuối năm	33.705.618.044	5.995.875.091

6.5.31

THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 – như đã trình bày trước đây	629.949.180.000	39.817.240.000	107.083.910.486
Phân loại lại (Thuyết minh 48)	-	-	32.982.192.758
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 – Đã phân loại lại	629.949.80.000	39.817.240.000	140.066.103.244
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Cổ tức	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.431.835.416
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Thưởng cho Ban lãnh đạo	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 – Đã phân loại lại	629.949.180.000	39.817.240.000	144.497.938.660
Phát hành cổ phiếu	665.162.800.000	421.895.460.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 33)	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 30)	-	-	20.449.042.234
Thưởng cho Ban lãnh đạo	-	-	-
Phân bổ vào kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS	-	-	-
Góp vốn vào công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	-	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua lại	-	-	-
Ảnh hưởng của việc tăng đầu tư vào công ty con	-	-	-
Biến động tài sản thuần được chia trong các công ty liên kết	-	-	-
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.295.111.980.000	461.712.700.000	164.946.980.894

6.5.32

VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/7/2015	
	SỐ CỔ PHIẾU	VND	SỐ CỔ PHIẾU	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000

Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng vốn chủ sở hữu VND
-	32.982.192.758	44.339.497.809	-	854.172.021.053
-	(32.982.192.758)	-	-	-
-	-	44.339.497.809	-	854.172.021.053
-	-	98.951.998.280	-	98.951.998.280
-	-	(31.497.459.000)	-	(31.497.459.000)
-	-	(4.431.835.416)	-	-
-	-	(5.318.202.499)	-	(5.318.202.499)
-	-	(2.616.781.959)	-	(2.616.781.959)
-	-	99.427.217.215	-	913.691.575.875
-	-	-	-	1.087.058.260.000
-	-	247.928.487.392	371.875.300	248.300.362.692
-	-	(61.671.999.000)	-	(61.671.999.000)
-	-	(20.449.042.234)	-	-
-	-	(48.026.813.352)	-	(48.026.813.352)
-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
-	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000
-	-	-	5.808.567.130	5.808.567.130
-	-	(408.518.594)	(208.331.406)	(616.850.000)
-	-	(55.817.629)	-	(55.817.629)
336.806.622	-	-	-	336.806.622
336.806.622	-	209.743.513.798	8.372.111.024	2.140.224.092.338

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016		NĂM KẾT THÚC 30/6/2015	
	SỐ CỔ PHIẾU	VND	SỐ CỔ PHIẾU	VND
Số dư đầu năm	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm để mua lại một công ty con (i)	60.349.080	603.490.800.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong năm bằng tiền (ii)	6.167.200	61.672.000.000	-	-
Số dư cuối năm	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua lại cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa với tỷ lệ hoán đổi là 1:1.

(ii) Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 28 tháng 12 năm 2015 phê duyệt phát hành 6.167.200 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên của Công ty theo lựa

chọn của họ. Ngày 16 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty.

Nghị quyết ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty bằng cách phát hành 38.853.359 cổ phiếu phổ thông từ thặng dư vốn cổ phần và chào bán 129.511.198 cổ phiếu phổ thông cho Cổ đông hiện hữu. Tại ngày báo cáo này, việc phát hành thêm này chưa được hoàn tất.

6.5.33

CỔ TỨC

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 7 tháng 12 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.672 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu).

6.5.34

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

6.5.35

CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) CAM KẾT THUÊ

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Trong vòng một năm	4.507.437.145	3.379.433.437
Từ hai đến năm năm	12.220.846.356	8.783.553.080
Sau năm năm	59.938.106.161	58.041.847.761
	76.666.389.662	70.204.834.278

(b) CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	124.882.484.274	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	205.205.820.197	29.997.550.430
	330.088.304.471	29.997.550.430

(c) TÀI SẢN, NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ CÁC BÊN THỨ BA

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba	12.380.131.533	3.379.433.437

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

(d) NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	30/6/2016		1/7/2015	
	NGUYÊN TỆ	TƯƠNG ĐƯƠNG VND	NGUYÊN TỆ	TƯƠNG ĐƯƠNG VND
USD	610.980	13.647.326.481	2.628	57.235.009
EUR	250	6.177.750	250	6.065.000
		13.653.504.231		63.300.009

(e) NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	WRITTEN OFF IN YEAR	30/6/2016	1/7/2015
Phải thu từ khách hàng	Trước 2006	758.295.202	758.295.202
Phải thu từ khách hàng	2006	203.769.039	203.769.039
Phải thu từ khách hàng	2007	1.034.299.060	1.034.299.060
Phải thu từ khách hàng	2008	252.770.900	-
Phải thu từ nông dân trồng mía	2009	70.095.481	70.095.481
Phải thu từ khách hàng	2011	164.641.794	164.641.794
Phải thu từ nông dân trồng mía	2012	7.881.573.485	8.349.337.900
Phải thu từ khách hàng	2014	46.300.961	46.300.961
Phải thu từ nông dân trồng mía	2016	639.049.500	-
Phải thu từ khách hàng	2016	87.015.060	-
		11.137.810.482	10.626.739.437

(f) BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Công ty đã ký một bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho một bên thứ ba cho việc thực hiện đến hạn, đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ của một nhà cung cấp của Công ty, cũng là một khách hàng của Công ty, bất cứ hình thức nào, phát sinh theo và liên quan đến tất cả các hợp đồng hiện tại và tương lai giữa nhà cung cấp/khách hàng của Công ty và bên thứ ba này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc tin rằng không có nghĩa vụ nợ phải trả nào phát sinh đến bảo lãnh này.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6.5.36

DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Tổng doanh thu		
Bán hàng	4.337.621.910.679	2.978.786.804.840
Bán điện	39.402.841.024	-
Cung cấp dịch vụ	11.279.821.419	9.982.278.334
	4.388.304.573.122	2.988.769.083.174
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(17.550.158.073)	(5.243.282.561)
Hàng bán bị trả lại	(1.938.361.066)	(7.410.310.569)
Giảm giá hàng bán	(2.529.457.503)	(1.303.745.142)
	(22.017.976.642)	(13.957.338.272)
Doanh thu thuần	4.366.286.596.480	2.974.811.744.902

6.5.38

GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
Hàng hóa đã bán	3.727.167.964.715	2.624.307.030.096
Điện đã cung cấp	31.471.558.024	-
Dịch vụ đã cung cấp	5.555.060.335	2.997.113.331
	3.764.194.583.074	2.627.304.143.427

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6.5.38

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	4.105.743.523	411.023.644
Lãi từ trả trước cho nông dân trồng mía	14.766.699.460	17.531.327.352
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các đơn vị khác vay	41.926.512.921	19.018.959.713
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	3.428.328.226	5.717.951.690
Thu nhập cổ tức	627.704.000	2.223.558.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.069.005.435	2.961.042.476
Lãi từ hợp nhất kinh doanh	2.169.648.650	-
	68.093.642.215	47.863.862.875

6.5.39

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	112.614.495.163	67.197.422.177
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.922.058.834)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.547.723.589	2.011.515.611
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	1.928.640.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.028.583.755	5.679.961.211
Chi phí tài chính khác	5.544.278.593	20.750.000
	123.741.662.266	74.909.648.999

6.5.40

CHI PHÍ BÁN HÀNG

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	36.745.290.747	25.877.048.330
Công cụ và dụng cụ	1.669.821.862	2.291.785.187
Khấu hao và phân bổ	2.008.861.693	1.260.318.557
Chi phí vận chuyển	47.407.062.150	29.992.130.917
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.212.920.005	13.737.693.848
Chi phí khác	7.147.565.967	8.319.014.422
	106.191.522.424	81.477.991.261

6.5.41

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	84.561.732.599	60.236.853.157
Công cụ và dụng cụ	3.539.718.705	5.672.075.857
Văn phòng phẩm	2.309.447.893	1.476.171.251
Khấu hao và phân bổ	12.395.406.006	5.802.086.242
Thuế và lệ phí	936.370.475	10.122.237
Dự phòng phải thu khó đòi	6.039.287.796	3.229.922.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.721.960.106	16.662.664.082
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.580.575.000	1.208.354.839
Chi phí khác	27.790.351.526	21.300.734.210
	154.874.850.106	115.598.984.610

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

6.5.42

THU NHẬP KHÁC

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	6.851.282.353	529.673.126
Tiền thu được các khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ	398.819.886	2.477.800.000
Bồi thường nhận được	259.440.369	123.553.051
Thu nhập khác	1.766.790.429	893.768.480
	9.276.333.037	4.024.794.657

6.5.43

CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.459.937.650.709	2.424.091.358.344
Chi phí nhân công và nhân viên	232.255.774.453	149.175.162.899
Chi phí khấu hao và phân bổ	127.365.426.816	53.102.418.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.847.558.398	67.176.355.963
Chi phí khác	113.627.274.962	79.867.006.479

6.5.44

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) GHI NHẬN TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	50.399.875.723	35.229.077.605
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.112.240.670)	-
	49.287.635.053	35.229.077.605
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.500.773.873)	(7.415.692.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	47.786.861.180	27.813.385.521

(b) ĐỐI CHIẾU THUẾ SUẤT THỰC TẾ

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	296.087.223.872	126.765.383.801
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	62.178.317.013	27.888.384.436
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	1.137.076.750	-
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho cho các công ty con	(12.189.813.145)	(13.525.915)
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho cho các thu nhập khác	3.819.109.706	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.413.796.746	427.709.760
Thu nhập không chịu thuế	(2.535.690.733)	(489.182.760)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.481.702.772)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(441.991.715)	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.112.240.670)	-
	47.786.861.180	27.813.385.521

(c) GHI NHẬN TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

(ii) Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Theo các điều khoản của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn được liệt kê trong phụ lục II “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” được hưởng ưu đãi thuế. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho suốt thời gian hoạt động do công ty này nằm trong địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 12 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 trở đi.

(iii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015

và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Theo các điều khoản của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn được liệt kê trong phụ lục II “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” được hưởng ưu đãi thuế. Theo đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho suốt thời gian hoạt động do công ty này nằm trong địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 12 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 trở đi.

(iv) Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% cho các hoạt động kinh doanh chính. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(v) Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn hoạt động của công ty tới năm 2028 và 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(vi) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company

Ninh Hoa Sugar Private Limited Company có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập là 17% lợi nhuận chịu thuế. Các quy định về thuế hiện hành được giảm 75% thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế lên đến 10.000 SGD và giảm 50% thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế lên đến 290.000 SGD.

6.5.45

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, sau khi trừ các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 103.226.838 (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 62.994.918), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	247.928.487.392	98.951.998.280
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(36.102.261.239)	-
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	211.826.226.153	98.951.998.280

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	SỐ CỔ PHIẾU	
	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	62.994.918	62.994.918
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành để mua công ty con	40.012.267	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành bằng tiền mặt trong năm	219.653	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	103.226.838	62.994.918

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

6.5.46

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty để mua một công ty con	1.025.934.360.000	-
Trích trước chi phí phát hành cổ phiếu phổ thông	67.100.000	-
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	440.020.689.882	162.681.345.520
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	9.440.751.168	18.020.689.765
Thanh lý các khoản đầu tư nhưng chưa thu tiền	101.430.000.000	-
Mua xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	31.029.463.381	13.229.845.304
Chi phí khấu hao vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	1.354.605.347	-
Nguyên giá của tài sản cố định tăng từ thuê tài chính	7.988.532.728	-

6.5.47

CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH	
	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
CÁC CỔ ĐÔNG		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	270.894.187.237	168.349.548.295
Mua hàng hóa và dịch vụ	54.575.162.469	6.781.116.600
Cho vay	299.900.000.000	271.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	13.052.337.993	15.829.830.351
Vay	-	40.000.000.000
Chi phí lãi vay	1.263.932.528	292.850.000
Mua cổ phiếu	3.599.036.000	6.183.836.000
Phân phối cổ tức	17.048.494.000	9.194.986.000

	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH	
	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	683.433.169.102	79.048.383.436
Mua hàng hóa và dịch vụ	604.931.396.384	1.649.137.245
Phân phối cổ tức	10.465.910.000	13.630.296.000
Thu nhập lãi cho vay	976.158.336	-
Chi phí lãi vay	1.607.444.445	-
Cho vay	10.000.000.000	-
Tổng Công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một thành viên		
Phân phối cổ tức	-	7.734.143.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.564.574.173	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.606.089.425	-
Thu nhập tiền lãi	1.825.055.555	-
Phân phối cổ tức	-	5.278.600.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên		
Mua hàng hóa và dịch vụ	72.392.350.255	13.113.339.984
Phân phối cổ tức	5.042.686.000	2.193.590.000
Mua cổ phiếu	3.599.070.000	4.891.470.000
Bán hàng hóa	85.068.000	547.619
Thu nhập lãi cho vay	3.959.877.156	-
Cho vay	76.000.000.000	-
CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Mua đường nguyên liệu và dịch vụ	267.489.190.193	120.363.535.485
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	4.875.899.086	1.591.101.533
Bán hàng hóa và dịch vụ	19.308.217.058	13.655.673.321

	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH	
	NĂM KẾT THÚC 30/6/2016 VND	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND
Bán tài sản cố định	-	136.363.636
Cho vay	80.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	112.388.889	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	7.596.475	4.688.381
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.256.315.000	683.324.681
Bán tài sản cố định	-	324.846.363
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		
Bán hàng hóa	3.367.171.711	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.707.236.332	22.711.470.285
Thu nhập lãi	6.202.083.338	3.525.145.449
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.000.000	-
Bán hàng hóa	7.373.787.875	-
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.580.575.000	1.303.169.354
Tiền lương và thưởng	9.968.712.693	6.600.743.811

6.5.48

SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6

năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

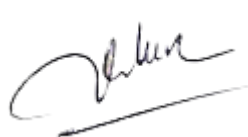
(a) BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	1/7/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI	1/7/2015 VND THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	82.921.461.456
Phải thu về cho vay ngắn hạn	77.921.461.456	-
Phải thu ngắn hạn khác	13.791.619.557	10.799.273.958
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.564.692.622
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.572.347.023	-
Trả trước cho người bán dài hạn	17.648.398.812	-
Phải thu dài hạn khác	-	17.648.398.812
Quỹ dự phòng tài chính	-	35.198.110.466
Quỹ đầu tư phát triển	144.497.938.660	109.299.828.194

(b) BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND ĐÃ PHÂN LOẠI LẠI	NĂM KẾT THÚC 30/6/2015 VND THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.988.769.083.174	2.988.892.945.642
Các khoản giảm trừ doanh thu	13.957.338.272	14.081.200.740
Thu nhập khác	4.024.794.657	8.280.086.941
Chi phí khác	647.370.000	4.902.662.284

Ngày 23 tháng 9 năm 2016



Đỗ Thị Thủy Tiên
KẾ TOÁN TỔNG HỢP



Nguyễn Minh Tín
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Quế Trang
TỔNG GIÁM ĐỐC

